

Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Ngày 14 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**  
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCCK)

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An  
Mã chứng khoán: TAC  
Địa chỉ trụ sở chính: 138-142 Hai Bà Trưng – Phường Đa Kao – Quận 1 – TPHCM  
Điện thoại: (028) 38 277 489  
Fax: (028) 38 277 832  
Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Đức Thịnh  
Địa chỉ:  
Điện thoại di động:  
Điện thoại cơ quan:  
Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:


Nội dung thông tin công bố (\*):

- Công bố Báo cáo thường niên năm 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/04/2021 tại đường dẫn [www.tuongan.com.vn](http://www.tuongan.com.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:  
- BCTN

Người được ủy quyền CBTT 



**VŨ ĐỨC THỊNH**

**Ms. Tường An**



**TRÒN VỊ**

*bữa ăn ngon*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020**

# NỘI DUNG

## CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU

- 06 Thông tin chung
- 10 Tâm nhìn
- 12 Giá trị
- 14 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 16 Thông điệp Tổng Giám đốc Điều hành
- 20 Hội đồng Quản trị
- 22 Ban Kiểm soát
- 24 Ban Tổng Giám đốc
- 26 Câu chuyện của chúng tôi
- 30 Các hoạt động

## CHƯƠNG 2: CHIẾN LƯỢC & VẬN HÀNH

- 36 Định hướng phát triển
- 48 Danh mục sản phẩm
- 50 Quản lý rủi ro
- 52 Tình hình hoạt động trong năm

## CHƯƠNG 3: BÁO CÁO QUẢN TRỊ

- 63 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 64 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội
- 68 Cam kết của chúng tôi
- 72 Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc
- 74 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty
- 76 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động công ty
- 80 Quản trị công ty

## CHƯƠNG 4: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 87 Thông tin chung
- 89 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 90 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 91 Bảng cân đối kế toán
- 93 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 94 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 96 Thuyết minh báo cáo tài chính



“  
**Giữ vững VỊ THỂ DẪN ĐẦU**  
trong ngành dầu ăn

**CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU**

Thông tin chung

Tâm nhìn và Giá trị

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thông điệp Tổng Giám đốc Điều hành

Hội đồng quản trị - Ban Kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc

Câu chuyện của chúng tôi

Các hoạt động



## THÔNG TIN CHUNG

### THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303498754 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 09 năm 2004, thay đổi lần thứ 12 ngày 09 tháng 09 năm 2020

VỐN ĐIỀU LỆ (đồng)

**338.796.480.000**

(Ba trăm ba mươi tám tỷ bảy trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng)

VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (đồng)

**338.796.480.000**

(Ba trăm ba mươi tám tỷ bảy trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng)

Địa chỉ: **138-142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh**

Số điện thoại: **(84-028) 38 277 489 – 38 277 806**

Số fax: **(84-028) 38 277 832**

Website: **www.tuongan.com.vn**

Mã cổ phiếu: **TAC** (niêm yết tại Sở GDCK TPHCM)

### NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG NĂM 2020

**25 NĂM** đạt danh hiệu **Hàng Việt Nam chất lượng cao** do người tiêu dùng bình chọn

**TOP 10** nhà sản xuất tăng trưởng tốt nhất Tết 2020 khu vực nông thôn

**TOP THƯƠNG HIỆU** được chọn mua nhiều nhất năm 2020

**TOP 10** Công ty Thực phẩm uy tín năm 2020 nhóm ngành: Thực phẩm đóng gói, gia vị, dầu ăn

Nhãn hàng đạt giải thưởng

**THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA** năm 2020



### NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

#### Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các loại sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa.
- Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói.
- Mua bán, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến ngành dầu thực vật.
- Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng.
- Sản xuất, mua bán các loại gia vị ngành chế biến thực phẩm, nước chấm, nước sốt (không sản xuất tại trụ sở).
- Sản xuất, mua bán các loại sản phẩm ăn liền (mì, bún, phở, bánh đa, cháo ăn liền).
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở).
- Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức giao lưu, gặp mặt).
- Kinh doanh nhà ở (xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê).

#### Địa bàn kinh doanh

Hơn 43 năm có mặt trên thị trường, Tường An được đánh giá là doanh nghiệp có hệ thống phân phối sâu rộng khắp cả nước với: Hơn 200 nhà phân phối trên khắp cả nước từ thành thị đến nông thôn. Sản phẩm Tường An được phân phối đến khách hàng qua các kênh sau:

- Kênh thương mại truyền thống: Đại lý/Nhà phân phối, cửa hàng bán lẻ, khách hàng Horeca.
- Kênh hiện đại: Siêu thị, minimart, cửa hàng tiện lợi (CVS)...
- Kênh Khách hàng công nghiệp.



## THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

### TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Tường An là đơn vị kinh doanh chủ lực của hệ thống kênh kinh doanh không điều kiện góp phần xây dựng nền tảng phân phối của Tập đoàn KIDO. Để đạt được mục tiêu đề ra, hệ thống quản lý của các đơn vị thành viên phải được kết nối chặt chẽ, nhằm cung cấp đúng sản phẩm với quy cách phù hợp, ở đúng nơi và đúng thời điểm cho người tiêu dùng. Do đó, các hoạt động được thiết lập và gắn kết giữa các bộ phận và mỗi bộ phận đều phải đảm nhiệm vai trò, trách nhiệm cụ thể.



#### BAN QUẢN LÝ

- Xác định chiến lược dài hạn và đề ra kế hoạch hoạt động hàng năm cho công ty.
- Theo dõi kế hoạch hoạt động nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn cũng như tối ưu hóa lợi nhuận cho các khoản đầu tư của cổ đông.
- Mục tiêu trong dài hạn là cam kết mang lại tỷ suất lợi nhuận đầu tư ổn định cho cổ đông hàng năm.



#### QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH KINH DOANH

- Thực thi chiến lược của Tập đoàn và Hội đồng Quản trị. Quản lý sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận chức năng khác nhau để triển khai hoạt động đề ra hàng năm.
- Chịu trách nhiệm triển khai các chiến lược và điều hành các hoạt động.
- Chịu trách nhiệm về kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng mục tiêu hằng năm và đưa ra các định hướng hoạt động ngắn hạn cho từng năm.



Các hoạt động, dịch vụ đầu tư dài hạn vào cơ sở hạ tầng được Tập đoàn tập trung xem xét để đảm bảo Công ty được hưởng lợi từ lợi thế quy mô khi triển khai.



### CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mỗi công ty được định hướng từ Ủy ban quản lý điều hành (EMC), giám sát việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của Tập đoàn và thúc đẩy hiệu quả kinh doanh tại đơn vị.

Tường An được tổ chức theo cấu trúc 3 Team và cùng chia sẻ với các công ty thành viên một số dịch vụ hỗ trợ.



#### TEAM 1 - PHỤ TRÁCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Team 1 - Phụ trách hoạt động kinh doanh, là team đề ra phương hướng hoạt động trong bán hàng, phân phối, tiếp thị, phát triển sản phẩm và tìm hiểu người tiêu dùng. Team 1 thường xuyên tương tác, kết nối chặt chẽ với người tiêu dùng, nghiên cứu môi trường cạnh tranh và xu hướng phát triển của thị trường. Vai trò của Team 1 là cung cấp các phản hồi, thông tin cho toàn bộ công ty, đồng thời phối hợp với các bộ phận chức năng để cung cấp đúng sản phẩm, đúng thời điểm, đến đúng nơi và theo đúng nhu cầu người tiêu dùng. Nhiệm vụ của các team hỗ trợ (Team 2 và Team 3) được đặt xung quanh Team 1 để hỗ trợ đưa ra các sáng kiến nhằm đáp ứng hoặc dự báo nhu cầu của khách hàng về những thay đổi của xu hướng tiêu dùng và luôn đặt nhu cầu người tiêu dùng là trọng tâm.



#### TEAM 2 - PHỤ TRÁCH QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

Team 2 - Phụ trách quản lý chuỗi cung ứng, chuyên trách quản lý sản xuất hàng hóa, kiểm soát chất lượng, vận chuyển và kho bãi. Team Quản lý chuỗi cung ứng chính là thế mạnh cốt lõi của Tập đoàn, và là yếu tố quyết định thành công của Tường An. Team Quản lý chuỗi cung ứng có trách nhiệm quản lý việc sản xuất hàng hóa, hiệu quả về sản xuất cũng như phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng. Do đó, sự phối hợp chặt chẽ giữa Team 1 và Team 2 là rất quan trọng để đảm bảo sản phẩm được phân phối đến đúng nơi, đúng thời điểm, đúng quy cách và theo đúng nhu cầu người tiêu dùng. Đây là bước đi quan trọng trong chiến lược tập trung vào người tiêu dùng của Tường An.



#### TEAM 3 - BỘ PHẬN HỖ TRỢ

Team 3 - Bộ phận hỗ trợ, các bộ phận trong Team 3 có chức năng đặc thù nhằm hỗ trợ cho hoạt động của công ty, gồm Kế toán Tài chính và Kế toán Quản trị, Hành chính – Nhân sự, IT. Bản chất của các dịch vụ thuộc Team 3 cung cấp liên quan đến cơ sở hạ tầng, do vậy các dịch vụ như Công nghệ thông tin, Quản lý quy trình kinh doanh, Truyền thông doanh nghiệp, Quan hệ nhà đầu tư và Tài chính đều được tập trung quản lý bởi Tập đoàn. Điều này cho phép mỗi công ty có thể tập trung vào việc tạo ra lợi nhuận và giá trị khác mà không bị chi phối bởi các vấn đề liên quan đến việc đầu tư cơ sở hạ tầng trong dài hạn.



## TÂM NHÌN

“

Là một trong những thương hiệu dầu ăn hàng đầu tại Việt Nam, Tường An hướng đến trở thành nhà sản xuất, phân phối thực phẩm với chuỗi sản phẩm đa dạng, dinh dưỡng, tiện lợi tốt cho sức khỏe và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Với sự tin tưởng của người tiêu dùng trong suốt hơn 43 năm qua, đồng thời với sự thấu hiểu thị trường, Tường An là thành viên quan trọng của Tập đoàn KIDO trong mục tiêu chinh phục lĩnh vực thực phẩm thiết yếu tại Việt Nam và mở rộng sang các nước trong khu vực.



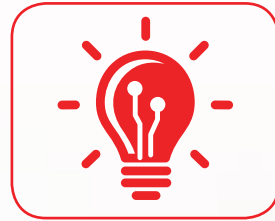
## GIÁ TRỊ



### SỰ TÔN TRỌNG

*"Sự tôn trọng là phần thưởng cao quý nhất mà người lao động mong đợi"*

Để phát triển bền vững, Tường An luôn xem trọng nhân tài, khuyến khích sự sáng tạo, luôn đánh giá cao sự gắn bó và thường xứng đáng cho những nỗ lực, tận tụy của mỗi thành viên đóng góp vào thành công của Công ty.



### TÍNH SÁNG TẠO

*"Ngày hôm nay phải tốt hơn ngày hôm qua"*

Nguyên tắc chính của chúng tôi là kết hợp kinh nghiệm trong ngành và liên tục cải tiến, sáng tạo, đổi mới để có thể cung cấp các sản phẩm có chất lượng. Điều này giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty ngày càng hiệu quả.



### TÍNH HÀI HÒA

*"Cùng nhau làm nên chiến thắng và chia sẻ thành quả"*

Tại Tường An, chúng tôi tin rằng thành công bền vững chỉ tồn tại khi chúng ta biết chia sẻ hài hòa lợi ích giữa khách hàng, cổ đông, đối tác, nhân viên trong Công ty và cộng đồng xã hội.



### TINH THẦN VƯỢT LÊN

*"Chiến thắng chứ không ngại, thất bại chứ không nản lòng"*

Đội ngũ công nhân viên Tường An luôn theo sát sự chỉ đạo của Ban Lãnh đạo Công ty, cùng nhau vượt qua mọi khó khăn, thách thức để hoàn thành mục tiêu.



### TÍNH HIỆU QUẢ

*"Chủ động trong kinh doanh, quản lý chặt chẽ và hướng đến lợi ích lâu dài"*

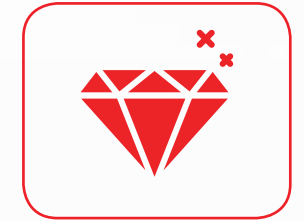
Tất cả mọi hoạt động của Tường An đều nhằm mang lại giá trị và hiệu quả cao nhất.



### TÍNH Cởi MỞ

*"Luôn thẳng thắn, gắn kết và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm"*

Trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và tận tâm đóng góp chính là sức mạnh cho sự phát triển bền vững của Tường An.



### TÍNH LIÊM CHÍNH

*"Thẳng đường tiến bước"*

Tường An tuân thủ chặt chẽ Pháp luật và các quy định về quản lý của Nhà nước, bảo đảm tính minh bạch trong tất cả các hoạt động kinh doanh.



## THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### TRẦN LỆ NGUYÊN

Tổng Giám đốc Tập đoàn Kido

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An



**Bằng chiến lược kinh doanh rõ ràng, được tổ chức triển khai và hỗ trợ bởi các chương trình hành động và kế hoạch cụ thể, được thực thi bởi Ban Điều hành và Cán bộ Nhân viên tài năng, giàu ý chí và quyết tâm cao, với thái độ tích cực và tinh thần chủ động, với truyền thống đoàn kết vượt khó, Công ty nhất định sẽ vượt qua những khó khăn, thử thách và hoàn thành tốt các kế hoạch mà ĐHCĐ tin tưởng giao phó.**

### Kính thưa Quý vị cổ đông,

Năm 2020, tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm xuống thấp nhất trong những năm qua, với những căng thẳng và diễn biến khó lường giữa cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, biến động của thị trường nguyên liệu dầu. Dịch viêm đường hô hấp cấp (Covid-19) đã bùng phát tại hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ, việc lan rộng ra nhiều nơi và các ca tử vong tăng mạnh đã khiến toàn thế giới chao đảo chưa từng có. Chuỗi cung ứng bị đứt đoạn, nhiều nhà máy vẫn phòng đóng cửa... Cả Việt Nam và thế giới đang gồng mình chống chọi với đại dịch Covid-19, ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều mặt trong hoạt động kinh doanh của hầu hết các quốc gia. Giữa những vấn đề của kinh tế thế giới, Việt Nam vẫn tiếp tục là điểm sáng với mức tăng trưởng kinh tế đạt 2,91%, vai trò, vị thế và uy tín của Việt Nam ngày một nâng cao trên trường quốc tế.

Tình hình cạnh tranh ngày càng khốc liệt đã khiến các doanh nghiệp thực phẩm liên tục gặp khó khăn. Trước những diễn biến bất lợi của thị trường, HĐQT đã liên tục chỉ đạo Công ty triển khai các biện pháp quản trị - điều hành, tái cấu trúc bộ máy, tái cơ cấu sản phẩm nhằm ứng phó với những khó khăn, bất ổn. Song song với các giải pháp mang tính chiến lược, HĐQT cùng Ban Điều hành đã chuẩn bị những biện pháp phù hợp để đối phó với tình hình thị trường nhằm duy trì bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh.

Đối với Tường An, chúng tôi luôn từng bước khẳng định mình, trở thành thương hiệu thực phẩm hàng đầu Việt Nam, tự hào chăm sóc người tiêu dùng với những sản phẩm chất lượng, dinh dưỡng và đáng tin cậy. Trong năm 2020, doanh thu Tường An đạt 5.247 tỷ đồng, tăng 26,67% so với năm 2019, tiếp tục duy trì mức tăng trưởng ổn định và khẳng định vị thế thương hiệu trong lòng người tiêu dùng Việt. Bên cạnh dấu ấn về doanh thu, những nỗ lực của tập thể Ban Lãnh đạo, cán bộ nhân viên của Công ty trong việc cải tiến hiệu quả sản xuất, cải tiến sản phẩm để làm ra những sản phẩm chất lượng và giá trị gia tăng ngày một cao hơn, đã được đền bù xứng đáng, lợi nhuận trước thuế đạt 221 tỷ đồng, tăng 29,6% so với năm 2019. Thành tựu này là điểm tựa, là động lực để Công ty tiếp tục nỗ lực mang tới cho người tiêu dùng những sản phẩm ngày một tốt hơn.

Năm 2021 được dự báo với những biến động khó lường về kinh tế, chính trị - xã hội trong và ngoài nước. Cho đến nay, cả thế giới vẫn chưa thể ghi nhận hết mức độ tàn phá và những thiệt hại do Covid-19 gây ra, nhưng có một điều gần như chắc chắn là nền kinh tế toàn cầu sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Mặc dù Chính phủ đang làm rất tốt công tác phòng chống dịch nhưng theo các chuyên gia nhận định: dịch bệnh Covid-19 sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế Việt Nam bởi tác động của nó là nhiều chiều, lên tất cả các lĩnh vực... nó sẽ làm gián đoạn các doanh nghiệp sản xuất, giảm tiêu dùng. Với tình hình dịch bệnh khó tiên liệu như hiện nay, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chắc chắn sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn phía trước.

Trong năm 2021, Tường An định hướng sẽ tập trung cho hoạt động sản xuất, đầu tư mở rộng Nhà máy Dầu Phú Mỹ và Nhà máy Dầu Vinh, nâng cấp dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu, thị hiếu ngày càng cao của thị trường và của khách hàng. Song song đó, Tường An cũng tập trung nâng cao hiệu quả kênh phân phối, tiếp tục mở rộng và phát triển mạnh hệ thống bán hàng trên toàn quốc. Cùng với đó là chiến lược quảng bá thương hiệu nhằm định vị và không ngừng tạo ra sự khác biệt để tiếp tục ghi dấu ấn, đưa Tường An trở thành biểu tượng trong gian bếp của gia đình Việt.

Mặt khác, hệ thống bán hàng của Tường An sẽ chuyển về Tập đoàn KIDO để quản lý theo định hướng của Tập đoàn. Với sự hậu thuẫn từ KIDO - Tập đoàn danh tiếng hàng đầu, thông qua việc chuyển đổi mô hình kinh doanh trên, Tường An được kỳ vọng sẽ có những bước đi vững chắc và tiếp tục bứt phá, vươn mình trở thành doanh nghiệp thống lĩnh thị phần trong ngành dầu ăn tại Việt Nam. Đây cũng là tiền đề để chuẩn bị cho việc sáp nhập Tường An vào Tập đoàn KIDO trong tương lai.

Bằng chiến lược kinh doanh rõ ràng, được tổ chức triển khai và hỗ trợ bởi các chương trình hành động và kế hoạch cụ thể, được thực thi bởi Ban Điều hành và Cán bộ Nhân viên tài năng, giàu ý chí và quyết tâm cao, với thái độ tích cực và tinh thần chủ động, với truyền thống đoàn kết vượt khó, Công ty nhất định sẽ vượt qua những khó khăn, thử thách và hoàn thành tốt các kế hoạch mà ĐHCĐ tin tưởng giao phó.

Tập thể Công ty quyết tâm chung sức xây dựng Tường An ngày càng phát triển và xứng đáng là thương hiệu Việt nhân văn, mang lại giá trị cho các bên liên quan và cho xã hội. Chúng tôi tin rằng năm 2021 sẽ là năm với những kỳ vọng mới, sẵn sàng chấp nhận những thử thách mới, duy trì cải tiến, liên tục đổi mới để đưa Tường An phát triển bền vững trong nhiều thập kỷ tới.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc vì sự tin tưởng, ủng hộ của nhà đầu tư, quý vị cổ đông, quý đối tác, nhà phân phối, quý khách hàng và toàn thể đội ngũ Ban Điều hành, cán bộ công nhân viên trong suốt những năm qua.

Trên bước đường phát triển sắp tới, Công ty Tường An mong Quý nhà đầu tư, Quý cổ đông, Quý đối tác, Nhà phân phối, Quý khách hàng sẽ tiếp tục ủng hộ, đồng hành cùng chúng tôi. Sự tin tưởng của Quý vị sẽ là nguồn sức mạnh giúp chúng tôi hoàn thành chiến lược cũng như các kế hoạch đề ra.

Cuối cùng, Tôi xin gửi lời chúc sức khỏe và thành công đến tất cả Quý vị.

DOANH THU ( tỷ đồng )

5.247

Tăng so với năm 2019

↑ 26,67%

## THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



### BÙI THANH TÙNG

Tổng Giám đốc Điều hành Công ty  
Cổ phần Dầu thực vật Tường An



*Với những định hướng và chiến lược rõ ràng cùng với sự ủng hộ của quý cổ đông, khách hàng, đối tác cùng sự nhiệt tâm và đoàn kết của đội ngũ cán bộ công nhân viên, Tôi tin rằng Tường An dưới sự dẫn dắt của Tập đoàn KIDO sẽ có những bước phát triển và tăng trưởng vượt bậc trong thời gian tới.*

### Kính gửi: Quý cổ đông,

Trong năm 2020, nền kinh tế thị trường chịu tác động bởi dịch Covid-19, gây gián đoạn chuỗi cung ứng và lưu chuyển thương mại; ảnh hưởng đến thu nhập và thói quen tiêu dùng của người dân. Đặc biệt, tăng trưởng GDP năm 2020 ghi nhận mức tăng thấp nhất trong 10 năm qua chỉ đạt 2.91%, tuy nhiên Việt Nam vẫn nằm trong nhóm cao nhất thế giới, một phần nhờ vào CPI được kiểm soát cùng với sự phục hồi nhanh chóng của doanh thu bán lẻ hàng tiêu dùng. Ngoài ra, giá nguyên liệu đầu thực vật thế giới biến động tăng, giảm bất thường cũng đã ảnh hưởng hoạt động của doanh nghiệp dầu ăn.

Trước tình hình đó, Ban Lãnh đạo Công ty đã kịp thời nắm bắt tình hình, tập trung phân tích và dự báo, đưa ra các biện pháp nhằm khắc phục những khó khăn do dịch Covid-19 gây ra bằng cách chủ động khai thác và chuyển đổi mô hình kinh doanh: Tiến hành dịch chuyển bán hàng phù hợp với nhu cầu mua hàng tại nhà hoặc gần nhà để tiếp cận gần hơn đến khách hàng, chuyển dịch danh mục sản phẩm nhằm thúc đẩy doanh thu phù hợp với từng giai đoạn và từng vùng miền, tập trung phát triển các sản phẩm trung và cao cấp, cốt lõi, có lợi nhuận cao, thực hiện bán hàng trực tuyến cùng các hoạt động đẩy mạnh tương tác người tiêu dùng trên nền tảng Digital Marketing.

Bên cạnh đó, Tường An cũng đã chủ động dự báo và dự trữ về nguồn nguyên liệu, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất, gia tăng tồn kho tại các kho trung tâm, kho NPP,... đảm bảo hàng hóa phục vụ thị trường trong nước, đặc biệt là các giai đoạn cao điểm của dịch, đảm bảo ổn định nguồn cung và an toàn lương thực cho người dân.

Với chiến lược thực thi hiệu quả nêu trên cùng sự quyết tâm vượt qua những khó khăn, tiếp tục khẳng định vị trí trên thị trường. Theo đó, năm 2020, Tường An đã có sự tăng trưởng ấn tượng khi đạt doanh thu cao nhất từ trước đến nay. Cụ thể:

- Doanh thu thuần năm 2020 của Tường An đạt 5.247 tỷ đồng, tăng 26,67% so với năm 2019, lợi nhuận gộp tương ứng đạt 762 tỷ đồng, tăng 15,22% so với năm 2019. Trong đó, doanh thu đến từ phân khúc trung và cao cấp tăng 23% so với năm 2019.

Lợi nhuận gộp tương ứng

**762** (tỷ đồng)

Tăng so với năm 2019

**↑ 15,22%**

- Bằng việc tích cực kiểm soát, tối ưu hóa các chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp góp phần làm tỷ lệ chi phí hoạt động trên doanh thu thuần giảm 11,97% so với năm 2019. Đồng thời, lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 221 tỷ đồng, tăng 29,6% so với cùng kỳ 2019.

Lợi nhuận trước thuế

**221** (tỷ đồng)

Tăng so với năm 2019

**↑ 29,6%**

- Với mục tiêu gia tăng doanh số, mở rộng ngành hàng, khai thác hiệu quả thị trường và quản lý chi phí hiệu quả, biên lợi nhuận gộp năm 2020 tuy thấp hơn so với năm 2019 (14,53% so với 15,97%) nhưng biên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2020 đạt 4,18% tăng 5,98% so với năm 2019 và biên lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 đạt 3,36% tăng 2,32% so với năm 2019.

Biên lợi nhuận sau thuế TNDN

**3,36%**

Tăng so với năm 2019

**↑ 2,32%**

## THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Thưa quý cổ đông, mặc dù năm 2021 được dự báo có nhiều ẩn số tuy nhiên Tường An luôn bám sát những diễn biến của thị trường và chuẩn bị tinh thần sẵn sàng, tập trung hết sức mình vào việc thực thi những giải pháp và chiến lược cho từng phòng ban, bộ phận và từng khu vực trên thị trường một cách hiệu quả nhất. Chiến lược của Tường An trong thời gian sắp tới sẽ tập trung phát triển đa dạng hóa danh mục sản phẩm, tối ưu hóa mô hình chuỗi cung ứng và hoạt động hiệu quả. Thông qua mô hình kinh doanh hiệu quả và thương hiệu vững mạnh cùng những lợi thế về mặt quản trị, tài chính, Marketing, IT, hệ thống... từ công ty mẹ - Tập đoàn KIDO, Tường An đẩy nhanh kế hoạch hướng đến trở thành đơn vị dẫn đầu trong ngành dầu ăn ở Việt Nam và mở rộng sang các ngành hàng thực phẩm khác theo định hướng của Tập đoàn. Theo đó, sẽ tập trung vào các kế hoạch trọng tâm: Tiếp tục tập trung gia tăng thị phần ở hai dòng sản phẩm trung và cao cấp, nâng cấp và phát triển các sản phẩm theo xu hướng của thị trường, đáp ứng tối đa nhu cầu của người tiêu dùng; Tối đa tiềm lực về quản trị, tài chính, đầu tư và ngày càng nâng cao hiệu quả hệ thống kênh phân phối, đẩy nhanh quá trình đa dạng hóa danh mục sản phẩm trong ngành thực phẩm thiết yếu theo định hướng Tập đoàn; Gia tăng mức độ nhận diện thương hiệu Tường An thông qua các hoạt động quảng cáo, truyền thông trên nền tảng Digital Marketing và gia tăng doanh số bằng cách thực hiện các hoạt động kích hoạt thương hiệu và tiếp cận hiệu quả người tiêu dùng thông qua hoạt động truyền thông; Thực hiện chiến lược khu vực hóa, xây dựng kế hoạch kinh doanh mùa vụ và danh mục sản phẩm phù hợp với từng địa phương nhằm tạo ra sức mạnh cạnh tranh, gia tăng thị phần;

Đầu tư, mở rộng nhà máy dầu Phú Mỹ: Nâng công suất nhà máy tinh luyện; Đầu tư một số hạng mục máy móc thiết bị, mở rộng kho, bồn chứa. Mở rộng diện tích xây dựng nhà máy Vinh từ 8.800 m<sup>2</sup> lên 17.000 m<sup>2</sup>, nâng công suất nhà máy dầu tại Vinh từ 40.000 tấn/năm lên 150.000 tấn/năm nhằm tiết giảm chi phí sản xuất và Logistics, đồng thời gia tăng năng lực cung ứng hàng hóa cho thị trường miền Bắc và miền Trung.

**Mở rộng diện tích xây dựng nhà máy Vinh**

Từ **8.800m<sup>2</sup>**  
→ **17.000m<sup>2</sup>**

Bằng những định hướng và chiến lược rõ ràng từ phía Ban lãnh đạo; Sự ủng hộ của Quý cổ đông, khách hàng, đối tác cùng sự nhiệt tâm và đoàn kết của đội ngũ cán bộ công nhân viên, Tôi tin rằng Tường An dưới sự dẫn dắt của Tập đoàn KIDO sẽ có những bước phát triển và tăng trưởng vượt bậc trong thời gian tới.

Thay mặt Ban Điều hành, Tôi xin gửi lời cảm ơn đến tất cả quý khách hàng, đối tác, nhà đầu tư về sự ủng hộ, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của công ty. Cũng nhân dịp này, Tôi xin gửi lời tri ân đến toàn thể nhân viên, những người đã luôn đồng hành, sát cánh với Ban Điều hành vượt qua mọi khó khăn, thử thách và tiếp tục đưa Tường An lên tầm cao mới.



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### **Ông TRẦN LỆ NGUYỄN**

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An.

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Điều hành Tập đoàn KIDO.

Là doanh nhân nhiều kinh nghiệm trong việc tạo lập và phát triển các doanh nghiệp trong vài thập niên qua, Ông là thành viên đồng sáng lập, Phó Chủ tịch Tập đoàn KIDO. Dưới sự điều hành của mình, Ông đã góp phần dẫn dắt KIDO phát triển, trở thành một trong các thương hiệu thực phẩm nổi tiếng tại Việt Nam và sở hữu danh mục sản phẩm phong phú chiếm lĩnh thị trường trong nước. Ông đã dẫn dắt các thương vụ M&A của KIDO góp phần hình thành nên Tập đoàn KIDO lớn mạnh ngày hôm nay.

Ông hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Ủy viên Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc TP. HCM và là thành viên Hội đồng Quản trị của nhiều công ty lớn khác tại Việt Nam.



### **Bà NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU**

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An.

Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO.

Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH KIDO Nhà Bè.

Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam Vocarimex - CTCP.

Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu đã gắn bó với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Tập đoàn KIDO từ năm 2014, hiện nay Bà là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty KIDO Nhà Bè, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An, Tổng Giám đốc Điều hành Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP (Vocarimex). Bà đã có hơn 31 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính. Bà có bằng Tiến sĩ Kinh tế, cùng với những đóng góp của mình, Bà vinh dự được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành Trung Ương; Giải thưởng Doanh nhân Việt Nam; Giải thưởng Bông Hồng Vàng và Huân chương Lao động hạng 3 do Chủ tịch nước trao tặng.



### **Bà LÊ THỊ MỸ VÂN**

Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An.

Bà Lê Thị Mỹ Vân tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị Khách sạn và Du lịch. Bà có hơn 24 năm hoạt động trong các lĩnh vực bán lẻ, kênh phân phối tài chính và bất động sản. Hiện Bà Vân là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện thoại Di động Thành Công. Từ tháng 06/2019 đến nay, Bà được bổ nhiệm là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An.



### **Bà NGUYỄN THỊ THANH VÂN**

Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An.

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Kế toán, hiện là Giám đốc Công ty TNHH TM DV ĐT Xây dựng và Phát triển Ánh Dương. Ngoài ra, Bà còn đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Điện thoại Di động Thành Công, Kiểm soát tài chính CLB Thương hiệu Việt (VBC), Kiểm soát tài chính CLB BĐS Thành phố Hồ Chí Minh (HREC). Bà có hơn 07 năm hoạt động trong các lĩnh vực xây dựng, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác.

## BAN KIỂM SOÁT



### **Bà BUI THI THU HANG**

Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An.

Bà tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán, Đại học Kinh tế TP. HCM. Bà có 15 năm kinh nghiệm liên quan đến Tài chính – Kế toán. Bà bắt đầu làm việc cho Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An từ tháng 06/2009. Bà hiện là Trưởng phòng KSNB của Công ty. Bà được bổ nhiệm làm Trưởng Ban Kiểm soát Tường An từ tháng 06/2020.



### **Ông HỒ MINH SƠN**

Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An.

Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP (Vocarimex).

Tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế TP. HCM, Ông bắt đầu làm việc cho Vocarimex vào tháng 8/2010. Ông đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng, bao gồm Trưởng phòng Tài chính Kế toán. Từ tháng 01/2015, Ông là Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng tại Vocarimex. Ông được bổ nhiệm là Kiểm soát viên của Tường An từ tháng 4/2012.



### **Ông NGUYỄN ĐỨC THUYẾT**

Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An.

Trưởng phòng Kế toán Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP (Vocarimex).

Tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế TP. HCM, Ông bắt đầu gia nhập Vocarimex vào năm 1986. Ông là Phó phòng Tài chính Kế toán từ năm 2011. Từ năm 2015, Ông là Trưởng phòng Kế toán tại Vocarimex. Từ tháng 04/2012-05/2020, Ông được bổ nhiệm là Trưởng Ban Kiểm soát của Tường An. Từ tháng 06/2020-nay, Ông là Kiểm soát viên của Tường An.

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



### **Ông BUI THANH TÙNG**

Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An.

Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO.

Phó Tổng Giám đốc Điều hành Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam Vocarimex - CTCP.

Tổng Giám đốc Công ty TNHH KIDO Nhà Bè.

Ông có trên 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tại doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Đặc biệt, Ông am hiểu sâu sắc hoạt động vận hành theo mô hình SBU mà KIDO đang vận hành. Hiện Ông là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn, Tổng Giám đốc KIDO Nhà Bè, Phó Tổng Giám đốc Điều hành tại Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam Vocarimex – CTCP (Vocarimex) và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An.

Ông tốt nghiệp khoa Quản trị Kinh doanh trường Đại học Kinh tế và hoàn thành khóa đào tạo kỹ năng lãnh đạo cấp cao của trường Đại học UCLA Anderson (Los Angeles, Mỹ).



### **Ông VŨ ĐỨC THỊNH**

Phó Tổng Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An

Ông tốt nghiệp trường Đại học Tài chính - Kế toán TP. HCM chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp vào năm 1993 và tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh do trường Đại học Andrews (Hoa Kỳ) liên kết với Đại học Quốc gia Hà Nội cấp vào năm 2013. Ông đã hoàn thành các khóa đào tạo chuyên sâu về chứng khoán cũng như các chương trình nghiệp vụ nâng cao dành cho Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Kiểm soát nội bộ.

Ông được bổ nhiệm vị trí Phó phòng Kế toán tại Nhà máy Tường An vào năm 1996. Tháng 10/2004, Ông là Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An. Tháng 05/2007, Ông được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Tài chính của công ty. Tháng 07/2019, Ông được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc Tài chính Công ty.

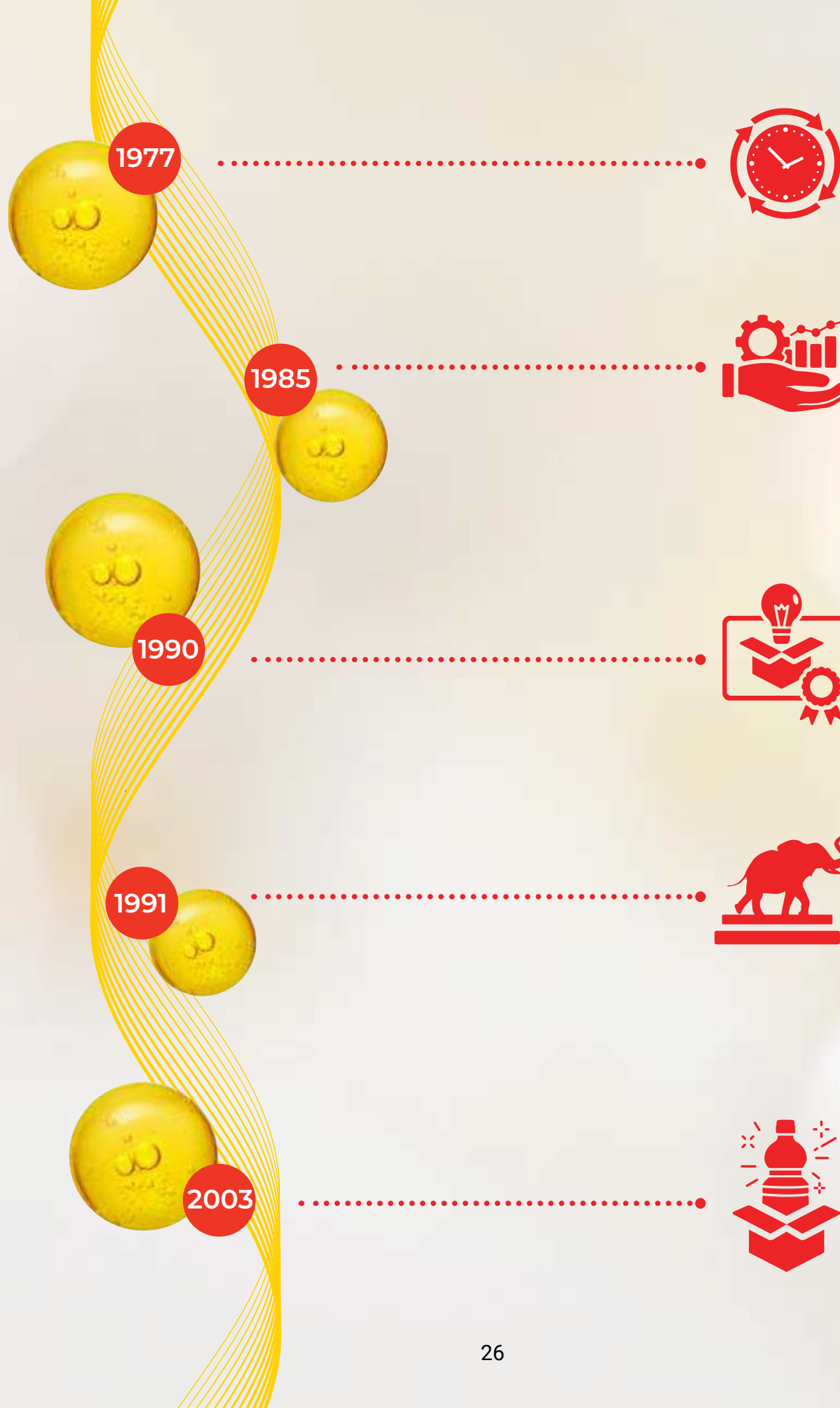


### **Bà NGUYỄN PHƯƠNG THẢO**

Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An

Bà tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Tp. HCM chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán năm 1997. Bà có hơn 21 năm công tác trong lĩnh vực kế toán, tài chính về ngành hàng tiêu dùng và doanh nghiệp niêm yết. Bà tham gia vào Tường An từ năm 2001 và giữ vị trí Phó phòng Kế toán của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An từ năm 2007. Tháng 07/2019, Bà được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An.

## CÂU CHUYỆN CỦA CHÚNG TÔI



Được thành lập từ năm 1977, Tường An là thương hiệu gắn liền với tất cả các thế hệ gia đình Việt Nam trong hơn 43 năm qua. Công ty luôn là đơn vị tiên phong trong việc nghiên cứu, sáng tạo, ứng dụng công nghệ vào quy trình sản xuất sản phẩm và là thương hiệu ghi dấu ấn đậm nét trong lòng người tiêu dùng Việt. Liên tục đổi mới và tập trung phát triển thương hiệu, đa dạng hóa hoạt động marketing nhằm xây dựng và duy trì mối quan hệ bền chặt với người tiêu dùng.



Trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển, Công ty đã đối mặt với nhiều khó khăn về kinh tế do việc sản xuất hoàn toàn dựa vào nguồn nguyên vật liệu và kế hoạch hoạt động do Nhà nước chỉ định. Tuy nhiên, sau khi được trao quyền tự giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, cùng với việc hoàn thành cơ sở sản xuất mới, Tường An đã nhanh chóng mở rộng phát triển trong khoảng thời gian từ năm 1985 đến đầu thập niên 90.



Vào cuối những năm 1990, Tường An đối mặt với những thách thức mới khi nền kinh tế bắt đầu hội nhập với quốc tế và sự cạnh tranh khốc liệt từ các thương hiệu bơ và dầu thực vật ngoại nhập. Tường An một lần nữa thể hiện tinh thần đổi mới để dẫn đầu và thích nghi với xu thế phát triển mới đề ra. Cụ thể, Tường An đã linh động, sáng tạo trong việc quảng bá, tiếp cận người tiêu dùng nhằm nâng cao nhận thức về dầu ăn dinh dưỡng bằng việc tung ra nhiều sản phẩm mới được bổ sung vi chất, sử dụng nguồn nguyên liệu chất lượng cao, gia tăng sản lượng sản phẩm dầu ăn tinh luyện đóng chai phục vụ thị trường trong nước. Đây được xem là bước ngoặt quan trọng của Tường An khi Công ty thành công trong việc tập trung khai thác khía cạnh thay đổi nhận thức của người tiêu dùng.

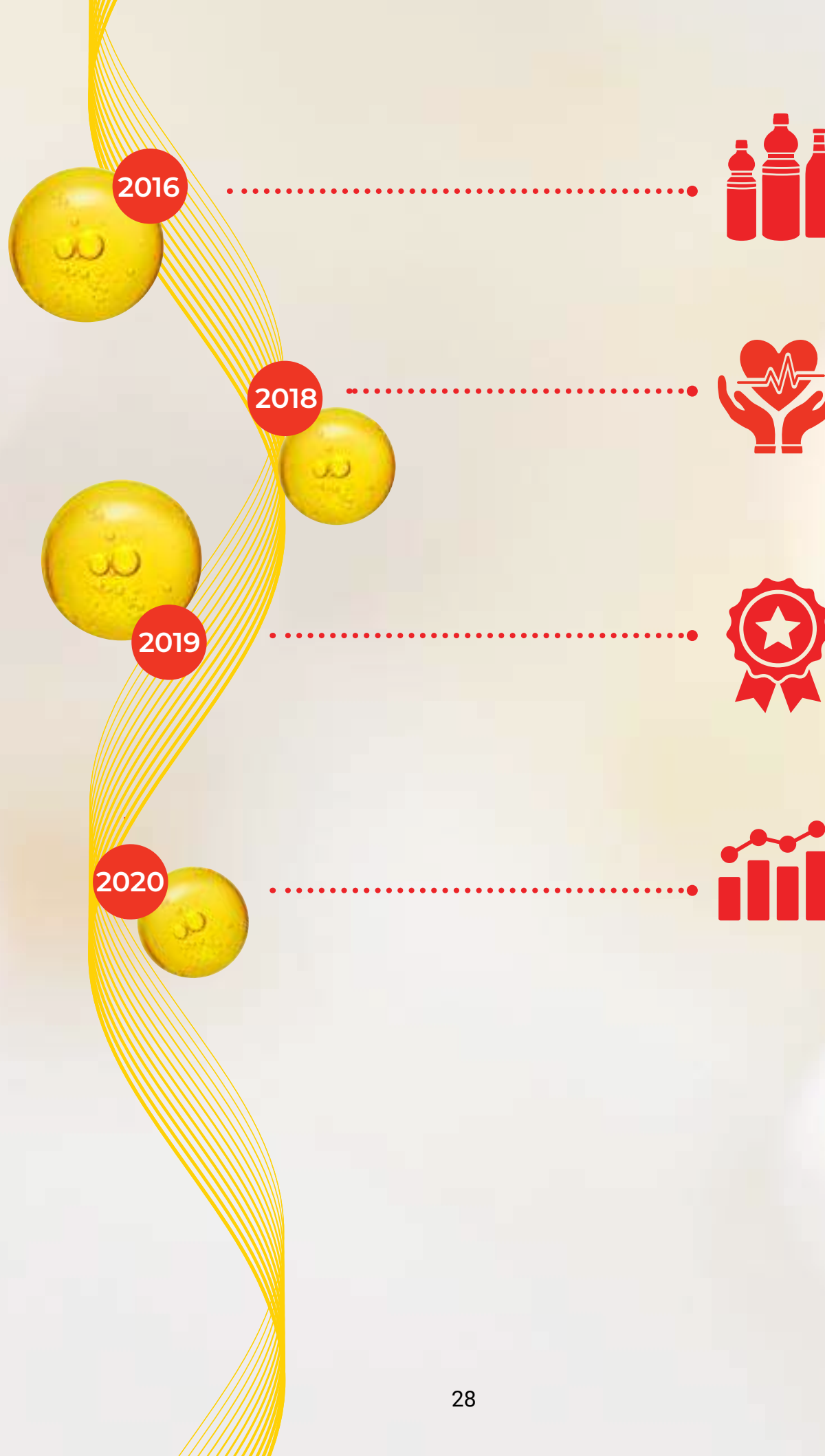


Tháng 10/1991, "Cooking Oil - Dầu ăn Tường An" - Sản phẩm nổi tiếng nhất của Công ty đến thời điểm hiện tại đã chính thức được giới thiệu rộng rãi ra thị trường và từ đó thương hiệu Tường An đã và đang dẫn đầu thị trường trong việc sản xuất dầu ăn ở Việt Nam. Thông qua các phương tiện truyền thông, Tường An là đơn vị tiên phong trong việc nâng cao nhận thức người dân về hạn chế sử dụng mỡ động vật, chuyển sang sử dụng dầu thực vật trong bữa ăn hàng ngày để đảm bảo sức khỏe, tạo dấu ấn mạnh mẽ và tích cực về thương hiệu uy tín, luôn hướng đến sức khỏe người tiêu dùng. Hiện nay, dầu ăn Tường An tiếp tục dẫn đầu thị phần và Cooking Oil trở thành sản phẩm chủ lực của Tường An luôn được người tiêu dùng tin tưởng và sử dụng.



Với mong muốn cung cấp những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, Tường An đã có bước đột phá trong ngành công nghiệp dầu thực vật ở Việt Nam. Cụ thể, vào tháng 12/2003, công ty đã thực hiện nghiên cứu thực nghiệm để bổ sung vi chất dinh dưỡng vào sản phẩm dầu ăn với các sản phẩm như dầu Nành nguyên chất tốt cho tim mạch; dầu ViO bổ sung chất dinh dưỡng cho trẻ em được tìm thấy trong dầu gấc, giúp phát triển não, tốt cho da, mắt và tim mạch. Vào tháng 02/2005, Tường An đã nghiên cứu và giới thiệu các sản phẩm bơ thực vật và shortening mới cân bằng dinh dưỡng, không có hàm lượng trans và giảm calori phù hợp với người béo phì, người mắc bệnh tim mạch. Ngoài ra, Tường An cũng luôn tiên phong cho ra mắt một loạt các sản phẩm mới độc đáo, sáng tạo và bắt kịp thị trường tiêu dùng.

## CÂU CHUYỆN CỦA CHÚNG TÔI (tiếp theo)



Kể từ khi chính thức gia nhập Tập đoàn KIDO vào năm 2016, Tường An đã cải thiện đáng kể hoạt động kinh doanh trên toàn bộ chuỗi giá trị từ khâu mua hàng, sản xuất, tiếp thị, bán hàng và phân phối sản phẩm. Chiến lược của Tường An là tập trung phát triển đa dạng hóa danh mục sản phẩm nhằm tạo ra các sản phẩm có giá trị, tối ưu hóa mô hình chuỗi cung ứng và hoạt động hiệu quả. Thông qua mô hình kinh doanh hiệu quả và thương hiệu vững mạnh nhằm trở thành đơn vị dẫn đầu trong ngành dầu ăn ở Việt Nam.



Hiện nay, khi đã gia nhập mái nhà KIDO, Tường An ngày càng hoàn thiện hơn về hệ thống phân phối, khách hàng và điểm bán trên toàn quốc. Với hệ thống phân phối rộng khắp và vững chắc, Tường An tận dụng đã phát triển cho tất cả các phân khúc: nhóm hàng phổ thông, hàng cao cấp để chinh phục thị trường và phát triển một số sản phẩm mới thâm nhập trên toàn quốc nhằm gia tăng vị thế trên thị trường hướng đến mục tiêu dẫn đầu một số sản phẩm trên thị trường. Năm 2018, Tường An cho ra mắt dòng sản phẩm Tường An Gold tốt cho tim mạch và dòng sản phẩm Dầu xào ngũ hạt – Dinh dưỡng vượt trội từ 5 loại hạt cho món xào thơm ngon, dinh dưỡng.



Bằng sự thấu hiểu những mong muốn của người tiêu dùng, năm 2019, Tường An tự hào cho ra mắt dòng sản phẩm “Tường An Premium – Dòng sản phẩm thượng hạng” với hình ảnh chú Voi Vàng, kế thừa những giá trị quý giá từ thương hiệu chú Voi Đỏ - Dòng sản phẩm danh tiếng, mang trên mình một sứ mệnh mới cung cấp những giải pháp dinh dưỡng công nghệ cao và chuyên biệt dựa trên nền tảng công nghệ tinh luyện Châu Âu hiện đại nhất Việt Nam. Bằng tất cả tâm huyết, trách nhiệm với con người, cộng đồng và xã hội, dòng sản phẩm thượng hạng “Tường An Premium” đặt chất lượng sản phẩm và sức khỏe người tiêu dùng lên tiêu chí hàng đầu, cam kết mang đến sự an tâm tuyệt đối, vì một cuộc sống an lành và hạnh phúc dành cho người Việt.



Hành trình để nghiên cứu phát triển sản phẩm mới luôn bắt đầu từ nhu cầu cần thiết về sức khỏe của người tiêu dùng. Sản phẩm Tường An luôn chắt lọc những tinh túy nhất cho sức khỏe như bổ sung thêm các vitamin cần thiết nhằm duy trì sức khỏe và tăng cường sức đề kháng cho cơ thể, sản phẩm với nguyên liệu hoàn toàn tự nhiên, không chất bảo quản, không Cholesterol, tốt cho tim mạch. Năm 2020, Tường An cho ra mắt dòng sản phẩm Tường An CookingOil Nutri Plus – Dầu thực vật dinh dưỡng Vitamin Extra được gia tăng hàm lượng Vitamin A hỗ trợ tăng cường sức đề kháng cùng Vitamin D, E giúp nâng cao sức khỏe và dòng sản phẩm Tường An Marvela – Dinh dưỡng tự nhiên, tốt cho sức khỏe, tăng cường vi chất và tốt cho hệ tim mạch.

Nhà máy dầu Phú Mỹ và Nhà máy dầu Vinh với công suất 250.000 tấn/năm cung ứng gần 200.000 tấn dầu mỗi năm, đáp ứng nhu cầu khách hàng thông qua việc mang đến các sản phẩm chất lượng, đảm bảo tiêu chuẩn khắt khe về dinh dưỡng, vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định của Việt Nam và quốc tế. Nhà máy sở hữu hệ thống dây chuyền máy móc hiện đại, mỗi sản phẩm được sản xuất trên hệ thống dây chuyền tự động khép kín.

Với việc sở hữu tiềm lực tăng trưởng vô cùng mạnh mẽ và sự cộng hưởng về lợi thế kinh doanh từ Tập đoàn KIDO, Tường An sẽ ngày càng phát huy hiệu quả sức mạnh nhanh chóng hiện thực hóa mục tiêu thống lĩnh thị trường thực phẩm thiết yếu của Tập đoàn để mang đến những sản phẩm dinh dưỡng, an toàn, chất lượng cho bữa ăn của hàng triệu gia đình Việt. Cùng với việc gìn giữ giá trị cốt lõi, phát triển bền vững bằng những vốn quý của mình, Tường An đã đi sâu vào lòng người dân Việt hơn 43 năm qua, trở thành một “Thương hiệu quốc dân”. Luôn lấy hạnh phúc trong từng bữa ăn của mọi gia đình Việt làm trọng tâm, Tường An vẫn không ngừng nỗ lực để cống hiến cho người tiêu dùng những sản phẩm có chất lượng vượt trội với giá cả hợp lý.



## CÁC HOẠT ĐỘNG

Là một trong những công ty sản xuất dầu ăn hàng đầu Việt Nam, sản phẩm của Công ty luôn mang đến giá trị dinh dưỡng, chất lượng tốt nhất và an toàn cho người tiêu dùng Việt. Tường An luôn tối ưu hóa các thế mạnh của mình trong sản xuất cũng như phân phối để mở rộng danh mục sản phẩm nhằm thâm nhập và mở rộng sang các ngành hàng thực phẩm thiết yếu để gia tăng lợi nhuận.



## CÁC HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)



Tại Tường An, việc quản trị sản xuất, quản lý vận hành nhà máy là một trong những ưu tiên hàng đầu, chúng tôi luôn liên tục thiết kế, quy hoạch, đổi mới nhằm mang đến các sản phẩm chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng đồng thời đảm bảo hiệu quả về mặt quản trị. Hiện tại, Tường An có 2 nhà máy sản xuất là Nhà máy Dầu Phú Mỹ và Nhà máy Dầu Vinh.

### Nhà máy Dầu Phú Mỹ

**80.000m<sup>2</sup>**

Nằm cạnh cảng nước sâu thuộc Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhà máy Dầu Phú Mỹ được xây dựng trên diện tích 80.000m<sup>2</sup> với cơ sở hạ tầng giao thông đường thủy thuận lợi, tiện cho các tàu có tải trọng lớn cập cảng để nhập hàng hóa, đặc biệt là các tàu chuyên dụng chở nguyên liệu dầu thực vật và hạt có dầu, chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài. Bên cạnh dây chuyền tinh luyện dầu với công suất đạt 810 tấn/ngày, Nhà máy còn được trang bị hệ thống máy móc hiện đại, tiên tiến được nhập khẩu trực tiếp từ Châu Âu, Nhật Bản và Hoa Kỳ. Nhà máy tuân thủ các quy định tiêu chuẩn nghiêm ngặt nhất về vệ sinh an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn GMP và HACCP, hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 nhằm sản xuất các sản phẩm có chất lượng.

Là doanh nghiệp có kinh nghiệm bậc nhất trong lĩnh vực sản xuất dầu thực vật, Tường An là thương hiệu gắn liền với tất cả các thế hệ gia đình Việt Nam trong hơn 43 năm qua và là một trong những nhà sản xuất và phân phối dầu ăn lớn nhất ở thị trường Việt Nam. Tháng 11/2016 đã đánh dấu mốc quan trọng cho Tường An khi chính thức gia nhập Tập đoàn KIDO. Kết hợp với hệ thống quản lý thực tiễn tốt nhất, mô hình tiếp cận thị trường hiệu quả và khả năng tài chính vững mạnh của Tập đoàn, sự hợp nhất của Tường An với Tập đoàn KIDO đã cải thiện đáng kể hoạt động kinh doanh trên toàn bộ chuỗi giá trị từ khâu mua hàng, sản xuất, tiếp thị, bán hàng và phân phối sản phẩm. Từng bước nâng cao năng lực cốt lõi và tiếp tục khẳng định thế mạnh giá trị thương hiệu trong hơn 4 thập niên qua. Trong thời gian tới, Công ty sẽ đầu tư hệ thống dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại hơn, với quy mô sản xuất đồng bộ, khép kín nhằm kiểm soát chất lượng chặt nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm cuối, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.



### Nhà máy Dầu Vinh

**35.140m<sup>2</sup>**

Trải rộng trên diện tích 35.140 m<sup>2</sup> gần bên cảng Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Nhà máy tuân thủ các quy định tiêu chuẩn nghiêm ngặt nhất về vệ sinh an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn GMP và HACCP, hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 nhằm sản xuất các sản phẩm có chất lượng.

Để đáp ứng nhu cầu về tiêu thụ sản phẩm dầu ở thị trường miền Bắc ngày càng cao, công ty sẽ đầu tư mở rộng quy mô nhà máy, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cấp trang thiết bị, máy móc sản xuất dầu với công suất khoảng 150.000 tấn/năm để phục vụ cho quá trình sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh trên thị trường nhằm đẩy mạnh quảng bá sản phẩm vào thị trường phía Bắc, phát triển các kênh bán hàng theo chiều sâu, gia tăng độ phủ trên thị trường, nâng cao năng lực hoạt động sản xuất.



“  
**Chủ động CHUYỂN ĐỔI**  
mô hình kinh doanh

**CHƯƠNG 2: CHIẾN LƯỢC & VẬN HÀNH**

Định hướng phát triển

Danh mục sản phẩm

Quản lý rủi ro

Tình hình hoạt động công ty trong năm



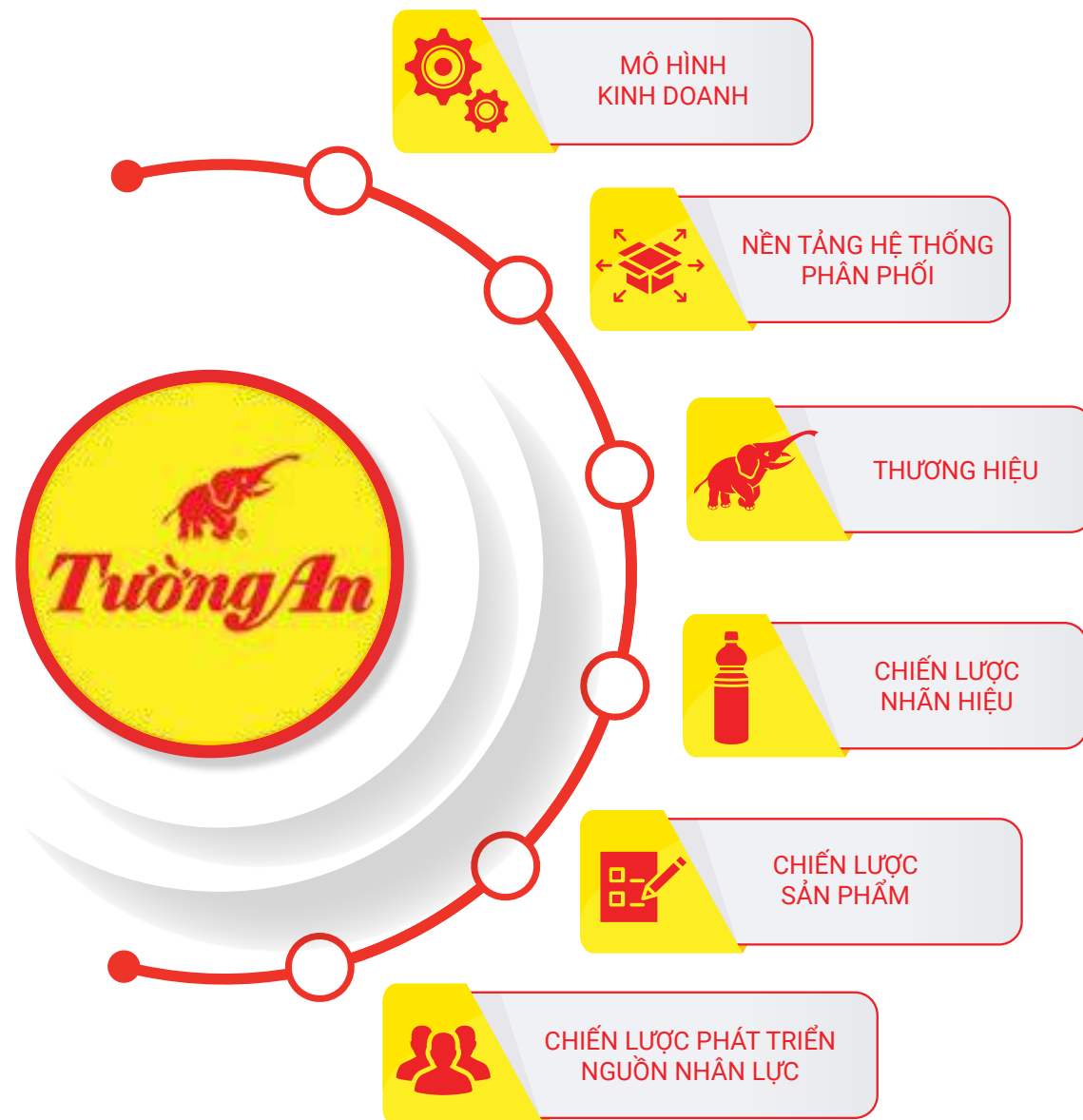
## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY

“  
Tăng trưởng bền vững và liên tục, mở rộng quy mô thị trường, đa dạng sản phẩm hướng đến những giá trị cao cấp, dinh dưỡng, phù hợp nhất với nhu cầu của người tiêu dùng Việt Nam và từng bước đưa thêm nhiều mặt hàng thực phẩm thiết yếu vào kinh doanh, tiếp tục hướng đến vị thế dẫn đầu ngành thực phẩm của Tường An.

### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Chiến lược phát triển: Các giá trị chiến lược của Tường An luôn nhất quán với định hướng từ Tập đoàn và phù hợp với nền tảng kinh doanh của Tường An. Chúng tôi luôn xác định các chiến lược dựa trên cam kết mang lại giá trị tốt nhất cho cổ đông, người tiêu dùng, khách hàng và đạt được mục tiêu kinh doanh. Cụ thể các hướng phát triển tập trung vào:



### Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

Một chiến lược nhân sự hiệu quả là điều cần thiết cho sự thành công của một doanh nghiệp. Tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp, phù hợp với hệ thống quy trình được thiết lập chặt chẽ, hợp lý. Củng cố năng lực, chuyên môn của bộ máy nhân sự, trong đó chú trọng việc nâng cao hiệu quả của hoạt động đào tạo nhằm bồi dưỡng kiến thức, tăng cường nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt, đội ngũ kế thừa có kinh nghiệm và nhiệt huyết để đưa Công ty ngày càng phát triển.

Mỗi quản lý cấp cao được trao quyền tự quyết để chủ động trong việc thiết lập, xây dựng các mối quan hệ đối tác cả bên trong và bên ngoài nhằm thúc đẩy Công ty phát triển mà không vi phạm các chuẩn mực đạo đức.

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN (tiếp theo)

Tích hợp mô hình kinh doanh của Tập đoàn trên cơ sở thừa hưởng những giá trị về quản trị, tài chính, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, phân phối, tiếp thị và thương hiệu, kho vận, công nghệ.

**VOCARIMEX**

DẦU VÀ CHẤT BÉO

NGUYÊN LIỆU VẬN CHUYỂN CHẾ BIẾN

**TƯỜNG AN**

DẦU VÀ CHẤT BÉO

NGUYÊN LIỆU CHẾ BIẾN ĐÓNG CHAI

**KIDO NHÀ BÈ**

DẦU ĂN VÀ CHẤT BÉO

NGUYÊN LIỆU CHẾ BIẾN ĐÓNG CHAI

**KIDO FOODS**

KEM & THỰC PHẨM NGÀNH LẠNH

NGUYÊN LIỆU CHẾ BIẾN ĐÓNG GÓI

**DABACO FOODS**

THỰC PHẨM CHẾ BIẾN

THỊT ĐÀ CHẾ BIẾN THỊT NGUỘI PA TÊ CHẢ LỤA

**VIBEV**

SẢN PHẨM

THỨC UỐNG

**OEM**

SẢN PHẨM

CHẾ BIẾN

**ĐỐI TÁC**

SẢN PHẨM

ĐƯỜNG GIA VỊ NƯỚC UỐNG MÌ

## NỀN TẢNG

QUẢN TRỊ

TÀI CHÍNH

NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

PHÂN PHỐI

TIẾP THỊ VÀ THƯƠNG HIỆU

KHO VẬN

CÔNG NGHỆ

## GIA TĂNG GIÁ TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN KIDO

### KÊNH



KÊNH THỰC PHẨM KHÔ



KÊNH THỰC PHẨM NGÀNH LẠNH



KÊNH XUẤT NHẬP KHẨU



KÊNH B2B KEY ACCOUNT



KÊNH MÙA VỤ

### THỊ TRƯỜNG



450.000 ĐIỂM BÁN NGÀNH HÀNG KHÔ

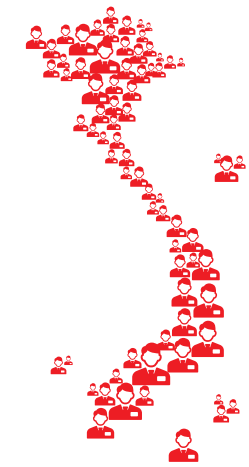


120.000 ĐIỂM BÁN NGÀNH LẠNH VÀ NGÀNH THỰC PHẨM TƯƠI



XUẤT KHẨU

### NGƯỜI TIÊU DÙNG



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN (tiếp theo)

#### Nền tảng hệ thống phân phối

Thế mạnh này không những giúp việc tăng trưởng doanh thu bằng việc tiếp cận đa dạng và nhanh chóng các nhóm khách hàng và trung gian phân phối, mà còn là tiền đề để Tường An mở rộng danh mục sản phẩm thực phẩm, hướng đến công ty thực phẩm thiết yếu hàng đầu Việt Nam và khu vực. Đây cũng là thế mạnh cạnh tranh khác biệt cho Tập đoàn KIDO và Công ty Tường An phát triển lâu dài so với các công ty thực phẩm khác.



# 450.000

ĐIỂM BÁN LẺ

# 4.600

SIÊU THỊ & CỬA HÀNG TIỆN LỢI

NHÀ MÁY

NHÀ PHÂN PHỐI

◆ 450.000 ĐIỂM BÁN LẺ  
◆ 4.600 SIÊU THỊ & CỬA HÀNG TIỆN LỢI  
◆ B2B / KEY ACCOUNT  
◆ HORECA  
◆ XUẤT KHẨU

NGƯỜI TIÊU DÙNG

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN (tiếp theo)

#### Thương hiệu

Những thế mạnh và thành tích nổi bật của thương hiệu Tường An:



TOP THƯƠNG HIỆU được chọn mua nhiều nhất trong lĩnh vực dầu ăn năm 2020 theo báo cáo Vietnam Report (VNR 2020)



Vinh dự nhiều năm liên tiếp đạt danh hiệu "NHÂN HIỆU NỔI TIẾNG QUỐC GIA"



Thương hiệu danh tiếng và uy tín hơn 43 NĂM trên thị trường



25 NĂM liên tiếp đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao



3 NĂM liên tiếp được người tiêu dùng bình chọn là "DẦU AN NGON NHẤT"



TOP 10 công ty thực phẩm uy tín Việt Nam

“ Trước sự thay đổi của thị trường và để phục vụ đa dạng nhu cầu của người tiêu dùng trong năm 2020, Tường An đã đưa ra thị trường các dòng sản phẩm mới như: Tường An Cooking Oil Nut Plus với tính năng "hỗ trợ tăng cường đề kháng" trong bối cảnh dịch bệnh, cũng như dòng sản phẩm đột phá "dầu ăn công nghệ" Tường An Marvela.

#### Chiến lược nhận hiệu



#### CHỮ VOI VÀNG - BIỂU TƯỢNG CỦA NIỀM TIN VÀ HY VỌNG

Màu Vàng của Logo tượng trưng cho sự sang trọng, đẳng cấp, cũng là màu của niềm tin và hy vọng.



#### KHÁT VỌNG CHINH PHỤC ĐỈNH CAO

Hình ảnh chú Voi đầu đàn với thần thái dũng mãnh đang tung cao vòi tiền về phía trước, khẳng định vị thế của người dẫn đầu và khát vọng chinh phục đỉnh cao.



#### CHẤT LƯỢNG THƯỢNG HẠNG

Màu xanh đại diện cho tinh hoa công nghệ hiện đại, lời cam kết mang lại chất lượng thượng hạng và tốt cho sức khỏe.



#### CHỮ VOI ĐỎ - BIỂU TƯỢNG CỦA THÀNH CÔNG VÀ THỊNH VƯỢNG

Màu đỏ của Logo tượng trưng cho sự may mắn và năng động và cũng là biểu tượng của thành công và thịnh vượng.



#### LUÔN TIÊN VỀ PHÍA TRƯỚC

Hình ảnh chú Voi vui vẻ, nhanh nhẹn đang tiến về phía trước khẳng định khát vọng vươn tới thành công.



#### 43 NĂM CAM KẾT CHẤT LƯỢNG VÀNG

Màu Vàng đặc trưng của dầu ăn, cũng là cam kết chất lượng Vàng đi cùng năm tháng

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN (tiếp theo)

Chiến lược nhãn hiệu (tiếp theo)



DÒNG CHUYÊN BIỆT  
DINH DƯỠNG VƯỢT TRỘI



DÒNG CAO CẤP,  
TỐT CHO TIM MẠCH



DÒNG PHỐI TRộn,  
GIÒN NGON HẢO HẠNG



DÒNG DẦU ĂN THỂ HỆ MỚI



DÒNG DẦU THỰC VẬT TINH LUYỆN



BƠ THỰC VẬT CHO MÓN NGON



DÒNG DẦU CHUYÊN DỤNG  
BỀN NHIỆT, THƠM NGON





## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN (tiếp theo)

#### Chiến lược sản phẩm

Tập trung phát triển và tăng trưởng phân khúc cao cấp, mở rộng và phát triển nhóm sản phẩm trung cấp, đồng thời liên tục củng cố các sản phẩm danh tiếng và nâng cấp thiết kế bao bì. Tất cả sẽ được quy hoạch bài bản và chuyên nghiệp theo từng loại và nhu cầu của khách hàng.

Song song đó, với sự hỗ trợ của Tập đoàn trong việc mở rộng danh mục sản phẩm thực phẩm, Tường An tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm và hợp tác/liên kết với các đối tác trong và ngoài nước theo 2 hướng tiếp cận: Phân phối các sản phẩm mang nhãn hiệu của đối tác chiến lược và OEM các sản phẩm phù hợp dưới thương hiệu Tập đoàn KIDO.



**Đậu Nành thượng hạng**  
7 bước tinh luyện công nghệ Châu Âu – Tốt cho tim mạch



**Tường An Gold**  
Dầu ăn thượng hạng – Giải pháp vàng chiên rán nhiệt độ cao



**Season**  
Dầu ăn dinh dưỡng vi chất tốt cho tim, khỏe cho xương



**Tường An CookingOil**  
Dầu ăn ngon nhất, an toàn cho sức khỏe



**Tường An CookingOil Nutri Plus**  
Hỗ trợ tăng sức đề kháng



**Tường An Marvela**  
Dinh dưỡng tự nhiên



**Vio**  
Dầu ăn dinh dưỡng dành cho trẻ em



**Extra Virgin Olive Oil**  
100% dầu Olive nhập khẩu từ Tây Ban Nha



## DANH MỤC SẢN PHẨM



Dòng sản phẩm Thương Hàng



Dòng sản phẩm Danh tiếng



## QUẢN LÝ RỦI RO



### QUẢN LÝ RỦI RO VỀ GIÁ NGUYÊN LIỆU

Việc tăng, giảm giá nguyên liệu là một rủi ro đáng kể ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro này, hàng ngày Ban Lãnh đạo Công ty luôn theo dõi sát sự biến động của giá nguyên liệu thế giới và nhu cầu nguyên liệu sử dụng để có kế hoạch mua nguyên liệu thích hợp. Công ty lựa chọn những nhà cung ứng có uy tín để thương lượng về giá. Ngoài ra, có thể nắm bắt xu hướng sử dụng nguyên liệu, phát triển sản phẩm, phòng mua hàng thường xuyên đưa ra những dự báo xu hướng giá nguyên liệu để có kế hoạch mua hàng hợp lý.

### QUẢN LÝ RỦI RO VỀ TỶ GIÁ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách thường xuyên cập nhật, theo dõi tình hình biến động, sức mạnh của đồng USD trên thế giới, cán cân thương mại của Việt Nam, tình hình nhập xuất siêu để dự báo sự biến động tăng, giảm giá ngoại tệ để từ đó có kế hoạch mua ngoại tệ thích hợp.



### RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.



### RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính cho các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

### RỦI RO CẠNH TRANH

Ngành dầu là ngành kinh doanh đầy cạnh tranh tại thị trường Việt Nam, với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp lớn trong nước. Các sản phẩm vô cùng đa dạng và phổ biến trên thị trường tạo áp lực cạnh tranh rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty giảm thiểu rủi ro này bằng việc phát triển hệ thống phân phối lớn để đưa hàng hóa đến tay người tiêu dùng một cách thuận tiện nhất. Song song đó là việc đẩy mạnh marketing cho truyền thông và quảng bá để thương hiệu Tường An gần gũi hơn với khách hàng. Đồng thời, chi tiêu cho hoạt động R&D được đẩy mạnh trong những năm gần đây để tạo ra những sản phẩm có chất lượng cho người tiêu dùng và có thể cạnh tranh trực tiếp với các thương hiệu khác.



### RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, chủ yếu đối với khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng: Công ty yêu cầu có bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng để thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa. Riêng với một số khách hàng có uy tín trong thanh toán và đã được thẩm định từ các bộ phận chuyên môn, Công ty sẽ chấp thuận hình thức bán hàng cho trả chậm theo tín chấp với hạn mức nợ cho từng khách hàng trong từng thời kỳ.

Tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín và Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TRONG NĂM

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

ĐVT: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu             | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2020 | Thực hiện 2019 | % thực hiện |             |
|----------------------|----------------|---------------|----------------|-------------|-------------|
|                      |                |               |                | So với KH   | So với 2019 |
| Tổng doanh thu thuần | 5.247          | 4.558         | 4.142          | 15,1%       | 26,7%       |
| Lợi nhuận trước thuế | 221            | 193           | 170,5          | 14,5%       | 29,6%       |

DOANH THU THỰC HIỆN TĂNG  
SO VỚI KẾ HOẠCH **15,1% ↑**

CHỈ TIÊU LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ  
VƯỢT MỨC KẾ HOẠCH **14,5% ↑**



### TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban Điều hành

| STT | Họ tên             | Chức vụ                     | Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|--------------------|-----------------------------|--------------------------------------|------------------|
| 1   | Bùi Thanh Tùng     | Tổng Giám đốc Điều hành     | 0                                    | 0%               |
| 2   | Vũ Đức Thịnh       | Phó Tổng Giám đốc Tài chính | 0                                    | 0%               |
| 3   | Nguyễn Phương Thảo | Kế toán trưởng              | 0                                    | 0%               |

### Những thay đổi trong Ban Điều hành

Trong năm 2020 Công ty có thay đổi nhân sự trong Ban Điều hành như sau:

Ông Bùi Thanh Tùng được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Điều hành Công ty theo QĐ số 42/QĐ-HĐQT.20 ngày 01/09/2020

### Bảng thống kê nhân sự của công ty đến ngày 31/12/2020

| STT | Diễn giải                      | Số nhân sự |
|-----|--------------------------------|------------|
| 1   | Thạc sĩ                        | 5          |
| 2   | Kỹ sư, cử nhân                 | 280        |
| 3   | Cao đẳng                       | 184        |
| 4   | Trung học chuyên nghiệp        | 117        |
| 5   | Trung học nghề                 | 24         |
| 6   | Công nhân kỹ thuật             | 35         |
| 7   | Tốt nghiệp phổ thông trung học | 756        |
|     | Tổng cộng                      | 1.401      |

### TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

#### Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2020, Công ty không có đầu tư tài chính, không có triển khai và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng lớn.

#### Các công ty con, công ty liên kết

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

#### Tổng số nhân sự

**1.401**



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TRONG NĂM (tiếp theo)

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

#### Môi trường kinh doanh

Ngành dầu ăn Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong sản xuất và công nghệ do nguyên liệu sản xuất chủ yếu là nhập khẩu từ nước ngoài. Nhưng với ý thức quan tâm của người dân với vấn đề sức khỏe ngày càng cao nên ngành dầu có động lực tiếp tục tăng trưởng mạnh và ổn định. Các doanh nghiệp trong ngành dầu cũng được kỳ vọng tăng trưởng khi nhu cầu tiêu thụ dầu của người dân tăng lên. Người dân sẽ tăng mạnh chi tiêu cho các sản phẩm có lợi cho sức khỏe.

Thu nhập người dân được cải thiện, quan tâm và hiểu biết về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm gia tăng là yếu tố tích cực mở rộng phân khúc thị trường mà Tường An đang hướng tới. Bên cạnh đó, thói quen và thị hiếu của người tiêu dùng thay đổi nhanh chóng, buộc Công ty phải liên tục nghiên cứu phát triển sản phẩm, đổi mới mẫu mã bao bì, tìm kiếm kênh phân phối hiệu quả và đưa ra các chiến lược quảng cáo thích hợp.

Với tầm nhìn và chiến lược phát triển rõ ràng, cùng với nền tảng chuỗi giá trị sản xuất khép kín và giải pháp sản xuất an toàn bền vững, là một trong những doanh nghiệp tốt nhất trong lĩnh vực thực phẩm, với bề dày lịch sử lâu năm và lợi thế cạnh tranh bền vững, Tường An không ngừng nỗ lực phát huy

những thế mạnh sẵn có để cung cấp các loại thực phẩm an toàn, dinh dưỡng đáp ứng cho thị trường và tiếp tục giữ vững vị thế hàng đầu và uy tín thương hiệu, hướng đến mục tiêu trở thành công ty thực phẩm hàng đầu Việt Nam.

Năm 2021, Tường An sẽ tăng cường nâng cao năng lực sản xuất và chú trọng đến tính dinh dưỡng của sản phẩm. Bên cạnh đó, Công ty cũng có kế hoạch mở rộng công suất các dây chuyền sản xuất, đồng thời nghiên cứu phát triển thêm dòng sản phẩm mới, tăng tính đa dạng hóa sản phẩm; mở rộng và tìm kiếm thêm khách hàng ở các kênh để đẩy mạnh doanh số. Mục tiêu cuối cùng của chúng tôi là có được một danh mục sản phẩm đủ lớn để người tiêu dùng có thể tùy chọn trong giỏ hàng hóa theo cách người tiêu dùng mong muốn, đáp ứng đúng nhu cầu khẩu vị của người tiêu dùng. Vai trò về phân phối của Tường An trong việc hoàn tất chiến lược phát triển ngành hàng thực phẩm thiết yếu của Tập đoàn KIDO là vô cùng quan trọng.

#### Số liệu tài chính

Đvt: Đồng

| Chỉ tiêu                  | Năm 2020          | Năm 2019          | % tăng / giảm |
|---------------------------|-------------------|-------------------|---------------|
| Tổng giá trị tài sản      | 2.295.790.391.932 | 1.731.239.378.749 | 32,61%        |
| Doanh thu thuần           | 5.246.757.420.726 | 4.142.183.115.574 | 26,67%        |
| Lợi nhuận từ hoạt động KD | 219.452.588.943   | 163.477.673.869   | 34,24%        |
| Lợi nhuận khác            | 1.583.866.586     | 7.056.850.341     | -77,56%       |
| Lợi nhuận trước thuế      | 221.036.455.529   | 170.534.524.210   | 29,61%        |
| Lợi nhuận sau thuế        | 176.550.782.607   | 136.225.814.006   | 29,60%        |

#### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu   | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                             |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn:<br>TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn              | 1,20     | 1,57     |
| Hệ số thanh toán nhanh:<br>TS ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn  | 0,71     | 1,02     |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                      |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản  | 80,5%    | 60,9%    |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu  | 412,2%   | 156,0%   |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                              |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho:<br>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 6,14     | 4,96     |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản                                       | 2,61     | 2,20     |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                               |          |          |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                           | 3,4%     | 3,3%     |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                            | 31,4%    | 20,9%    |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                              | 8,8%     | 7,2%     |



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TRONG NĂM (tiếp theo)

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### Tình hình tài sản

Đvt: Đồng

| Chỉ tiêu                            | Năm 2020          | Năm 2019          | Mức tăng (+)<br>/giảm (-) | % Tăng (+)<br>/giảm (-) |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|---------------------------|-------------------------|
| Tổng tài sản                        | 2.295.790.391.932 | 1.731.239.378.749 | 564.551.013.183           | 32,61%                  |
| Tài sản ngắn hạn                    | 2.195.686.677.763 | 1.600.637.536.645 | 595.049.141.118           | 37,18%                  |
| Tiền và các khoản tương đương tiền  | 243.860.241.159   | 53.963.419.150    | 189.896.822.009           | 351,90%                 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 350.000.000.000   | 288.000.000.000   | 62.000.000.000            | 21,53%                  |
| Các khoản phải thu                  | 653.034.360.486   | 672.394.955.420   | -19.360.594.934           | -2,88%                  |
| Hàng tồn kho                        | 901.085.445.738   | 559.790.795.363   | 341.294.650.375           | 60,97%                  |
| Tài sản ngắn hạn khác               | 47.706.630.380    | 26.488.366.712    | 21.218.263.668            | 80,10%                  |
| Tài sản dài hạn                     | 100.103.714.169   | 130.601.842.104   | -30.498.127.935           | -23,35%                 |
| Tài sản cố định                     | 80.689.646.255    | 79.716.238.436    | 973.407.819               | 1,22%                   |
| Các khoản phải thu dài hạn          | 1.674.414.000     | 2.394.467.322     | -720.053.322              | -30,07%                 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn  | 6.370.000.000     | 16.370.000.000    | -10.000.000.000           | -61,09%                 |
| Chi phí XDCB dở dang                | 2.776.645.590     | 5.345.359.400     | -2.568.713.810            | -48,06%                 |
| Tài sản dài hạn khác                | 8.593.008.324     | 26.775.776.946    | -18.182.768.622           | -67,91%                 |

Giá trị tổng tài sản năm 2020 tăng 32,61% so với năm 2019 tương ứng với mức tăng là 564,5 tỷ đồng chủ yếu là do tài sản ngắn hạn tăng 37,18% tương ứng với mức tăng 595,0 tỷ đồng, tài sản dài hạn giảm 23,35% tương ứng với mức giảm là 30,5 tỷ đồng.

Nguồn vốn lưu động dưới dạng tiền mặt, tiền gửi của Công ty trở nên dồi dào, khoản mục tiền và khoản tương đương tiền tăng 189,9 tỷ đồng, tương đương tăng 351,9%. Công ty duy trì được mức giá trị vốn bằng tiền ở mức cao, đồng thời quản lý dòng tiền có hiệu quả, linh hoạt và an toàn, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh.

Chỉ tiêu hàng tồn kho tăng 60,97% tương ứng với mức tăng 341 tỷ đồng so với năm 2019 do hiệu suất của nhà máy đang dần cải thiện nên sản lượng sản xuất nhiều hơn, thêm vào đó Công ty đang có kế hoạch dự trữ nguyên liệu để đáp ứng nhu cầu của nhà máy trong tình hình chuỗi cung ứng kinh tế thế giới đang biến động như hiện nay và chuẩn bị hàng phục vụ mùa Tết.

Tài sản dài hạn giảm chủ yếu là khoản đầu tư tài chính dài hạn giảm 61,09% và tài sản dài hạn khác giảm 67,91%. Tài sản cố định hữu hình tăng 1,22%, tương ứng 973 triệu đồng. Công ty đang duy trì chính sách quản lý tài sản dài hạn để đảm bảo việc quản lý tài sản đạt hiệu quả, phù hợp với sự tăng trưởng trong tương lai, không để xảy ra lãng phí và thất thoát tài sản.

#### Tình hình nợ phải trả

Đvt: Đồng

| Chỉ tiêu                   | Năm 2020          | Năm 2019          | Mức tăng (+)<br>/giảm (-) | % Tăng (+)<br>/giảm (-) |
|----------------------------|-------------------|-------------------|---------------------------|-------------------------|
| Nợ phải trả                | 1.847.543.405.106 | 1.054.982.632.989 | 792.560.772.117           | 75,13%                  |
| Nợ ngắn hạn                | 1.834.271.402.351 | 1.021.794.606.553 | 812.476.795.798           | 79,51%                  |
| Vay và nợ ngắn hạn         | 998.356.190.051   | 458.840.375.653   | 539.515.814.398           | 117,58%                 |
| Phải trả người bán         | 568.487.540.187   | 379.059.807.036   | 189.427.733.151           | 49,97%                  |
| Các khoản nợ ngắn hạn khác | 267.427.672.113   | 183.894.423.864   | 83.533.248.249            | 49,97%                  |
| Nợ dài hạn                 | 13.272.002.755    | 33.188.026.436    | -19.916.023.681           | -60,01%                 |
| Dự phòng phải trả dài hạn  | 13.272.002.755    | 33.188.026.436    | -19.916.023.681           | -60,01%                 |



Nợ phải trả năm 2020 tăng 75,13% tương ứng với mức tăng 792,6 tỷ đồng so với năm 2019 là do ảnh hưởng của các chỉ tiêu sau:

Chỉ tiêu vay và nợ ngắn hạn tăng 117,58% tương ứng với mức tăng 539,5 tỷ đồng so với năm 2019 do Công ty vay ngắn hạn để phục vụ vốn lưu động, tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty có mức nợ vay ngân hàng cao nhưng vẫn kiểm soát ở mức an toàn.

Khoản mục phải trả người bán tăng 49,97% tương ứng với mức tăng 189,4 tỷ đồng so với năm 2019. Công ty duy trì chính sách thanh toán với nhà cung cấp hợp lý và chặt chẽ, phù hợp với tình hình hoạt động của công ty.

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TRONG NĂM (tiếp theo)

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### Doanh thu

Năm 2020, doanh thu thuần đạt 5.247 tỷ đồng, tăng 26,67% so với năm 2019. Bằng việc chủ động theo dõi tình hình biến động thị trường kết hợp với những chiến lược đúng đắn và khả năng ứng phó kịp thời, Công ty đã đẩy mạnh việc mở rộng thị trường một cách hiệu quả. Động lực thúc đẩy tăng trưởng nhờ vào thành công trong việc ra mắt các sản phẩm dinh dưỡng, cao cấp cùng với việc mở rộng danh mục ngành hàng. Công ty vẫn luôn giữ vững được sự tăng trưởng trong bối cảnh sản xuất và kinh doanh ngành dầu ghi nhận sự cạnh tranh khốc liệt giữa các công ty cùng ngành.

Doanh thu thuần **5.247** ↑ **26,67%**  
(tỷ đồng) Tăng so với năm 2019

#### Lợi nhuận gộp

Lợi nhuận gộp đạt 762 tỷ đồng, tăng 15,22% so với năm 2019. Lợi nhuận trước thuế đạt 221 tỷ đồng, tăng 29,6% so với năm 2019. Công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh tốt, sản lượng tăng cao và kiểm soát được chi phí đầu vào. Năng suất lao động tăng lên đáng kể tạo điều kiện thuận lợi cho đầu ra sản phẩm đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường ngày càng nhiều.

Lợi nhuận gộp **762** ↑ **15,22%**  
(tỷ đồng) Tăng so với năm 2019

#### Chi phí hoạt động

Tổng chi phí hoạt động trong năm 2020 là 554 tỷ đồng, tăng 11,5% so với năm 2019, trong đó chi phí bán hàng tăng 4,11%, do công ty đẩy mạnh các hoạt động bán hàng như quảng cáo, trưng bày, thưởng doanh số để đẩy mạnh hoạt động bán hàng cho các sản phẩm hiện hữu cũng như đẩy mạnh chương trình marketing cho các sản phẩm mới. Doanh thu tăng 26,67% nhưng chi phí bán hàng tăng 4,11% chứng tỏ Công ty đã tiết kiệm nhiều chi phí bán hàng trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 54,37% trong năm 2020 (39,7 tỷ đồng) nhưng công ty vẫn thực hiện hiệu quả công tác quản trị chi phí hoạt động và sản xuất.

Chi phí hoạt động **554** ↑ **11,5%**  
(tỷ đồng) Tăng so với năm 2019



#### Khả năng sinh lời

Công ty luôn tận dụng nguồn tiền mặt nhàn rỗi để đầu tư vào những khoản tiền gửi kỳ hạn (trên 3 tháng) ít rủi ro nhưng mang lại lợi tức cao.

Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 14 tỷ đồng, tương ứng với 34% so với năm trước, do Công ty tối ưu hóa các dòng tiền.

Các chỉ số tài chính về khả năng sinh lời tăng so với năm 2019. Chỉ số ROE và ROA tăng do lợi nhuận sau thuế tăng 29,6% so với năm 2019. Có thể thấy trong năm, năng lực hoạt động của Công ty vẫn tốt, điều này góp phần động lực gia tăng lợi nhuận Công ty hơn nữa trong tương lai.

Nhìn chung năm 2020, các chỉ số khả năng thanh toán của Công ty tương đối ổn định, hệ số thanh toán ngắn hạn là 1,2 lần, hệ số thanh toán nhanh là 0,71 lần. Hệ số thanh toán ngắn hạn duy trì trên 1 cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty là tốt.

Hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng so với năm 2019 do trong năm Công ty đã tăng sử dụng nợ vay để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, nhờ kiểm soát chi phí tốt nên lợi nhuận của Công ty liên tục cải thiện trong thời gian vừa qua và giúp cơ cấu vốn Công ty trở nên tốt hơn.

Doanh thu từ hoạt động tài chính **↑14** (tỷ đồng) Lợi nhuận sau thuế so với năm 2019 **↑ 29,6%**

“  
**TỐI ĐA TIỀM LỰC**  
*về quản trị và đầu tư*

**CHƯƠNG 3: BÁO CÁO QUẢN TRỊ**

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Cam kết của chúng tôi

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Đánh giá của HĐQT về hoạt động công ty

Quản trị công ty





## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### CỔ PHẦN

| Loại cổ phần                      | Số cổ phần |
|-----------------------------------|------------|
| Tổng số cổ phần phổ thông         | 33.879.648 |
| Tổng số trái phiếu đang lưu hành  | Không có   |
| Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành | 33.876.148 |
| Số lượng cổ phiếu quỹ từng loại   | 3.500      |

Tổng số cổ phần phổ thông

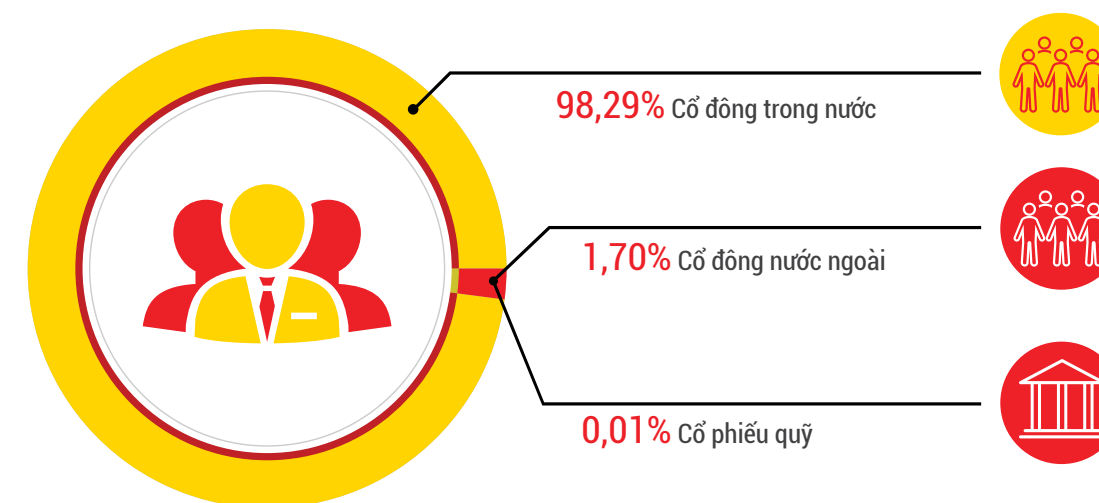
**33.879.648**

Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành

**33.876.148**

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

| STT | Danh mục                  | Năm 2020 (chốt ngày 31/12/2020) |               |
|-----|---------------------------|---------------------------------|---------------|
|     |                           | Số lượng Cổ phiếu               | Tỷ lệ sở hữu  |
| I   | <b>Cổ phiếu phổ thông</b> | <b>33.876.148</b>               | <b>99,99%</b> |
| 1   | Trong nước                | 33.301.581                      | 98,29%        |
|     | Cá nhân                   | 3.191.117                       | 9,42%         |
|     | Tổ chức                   | 30.110.464                      | 88,87%        |
| 2   | Nước ngoài                | 574.567                         | 1,70%         |
|     | Cá nhân                   | 94.817                          | 0,28%         |
|     | Tổ chức                   | 479.750                         | 1,42%         |
| II  | <b>Cổ phiếu quỹ</b>       | <b>3.500</b>                    | <b>0,01%</b>  |



### TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2020 Công ty không phát hành cổ phiếu để tăng vốn.

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2020 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

### CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Trong năm 2020 Công ty không có phát sinh các chứng khoán khác.

## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Là doanh nghiệp tiêu biểu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dầu ăn, Tường An hiểu rõ tác động của mình thông qua việc sử dụng nguyên vật liệu tạo ra sản phẩm. Đặc thù của Công ty là sản xuất dầu ăn nên nhu cầu về nguồn nguyên vật liệu chính để làm ra sản phẩm rất cao và liên tục. Tuy đây là nguyên liệu thực phẩm nhưng cũng tạo sự ô nhiễm trong quá trình sản xuất ở mức độ nhất định, việc sử dụng lãng phí cũng làm tăng ô nhiễm môi trường. Do đó, bên cạnh tiết kiệm năng lượng, vật liệu làm bao bì, nguyên liệu sản xuất cũng là yếu tố cần được sử dụng và tận dụng tốt.

Số liệu sử dụng các loại vật liệu đóng gói và nguyên liệu sản xuất được theo dõi chặt chẽ và cải tiến liên tục để giảm hao phí và sử dụng hiệu quả.

Tổng lượng nguyên liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm: 208.687 tấn.

Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế, được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: 0%.

### TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: điện năng, gas cng, dầu fo, dầu do

|                  |               |
|------------------|---------------|
| Tiêu thụ điện    | 8.408.100 Kwh |
| Tiêu thụ khí gaz | 202.854 mmBTU |
| Tiêu thụ dầu DO  | 32.520 lít    |
| Tiêu thụ dầu FO  | 41.529 lít    |

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Một trong những quan tâm hàng đầu của Công ty là tiết kiệm năng lượng. Mỗi quan tâm này được Ban Lãnh đạo công ty xây dựng thành mục tiêu môi trường và đã triển khai thành các chỉ tiêu thực hiện cho nhiều năm qua: Đào tạo nhận thức về tiết kiệm năng lượng cho toàn bộ CBCNV, ưu tiên đầu tư các thiết bị sản xuất có sử dụng công nghệ tiết kiệm điện.

Các giải pháp và dự kiến kết quả:

| Giải pháp TKNL áp dụng   | Loại nhiên liệu      | Mục đích của giải pháp                                   | Dự kiến kết quả          |
|--|----------------------|--|--------------------------|
| Quy định tắt đèn khi không sử dụng. Thay thế dần các bóng đèn cao áp bằng đèn led tiết kiệm năng lượng | Điện                 | Tránh lãng phí và tăng cường hiệu quả sử dụng năng lượng |                          |
| Tăng công suất tinh luyện dầu 50%  | Gas, điện            | Tiết kiệm năng lượng, giảm giá thành sản phẩm            | Tiết kiệm 25% năng lượng |
| Hạn chế vận hành máy vào giờ cao điểm, giảm tối đa thời gian không tải của dây chuyền                  | Điện                 | Tránh lãng phí và tăng cường hiệu quả sử dụng năng lượng | Giảm chi phí 1-2%        |
| Tăng cường kiểm soát chế độ đốt lò hơi. Tăng cường kiểm tra và khắc phục rò rỉ hơi, khí nén, nước      | Gas, điện, hơi, nước | Tránh lãng phí và tăng cường hiệu quả sử dụng năng lượng | Giảm chi phí 1-2%        |
| Tối ưu vận hành, cài đặt nhiệt độ chiller phù hợp  | Điện                 | Tránh lãng phí và tăng cường hiệu quả sử dụng năng lượng | Giảm chi phí 1-2%        |

## TỔNG LƯỢNG NGUYÊN LIỆU 208.687 TẤN

TIÊU THỤ DẦU DO  
**32.520** Lít



TIÊU THỤ DẦU FO  
**41.529** Lít



TIÊU THỤ ĐIỆN  
**8.408.100** Kwh



TIÊU THỤ KHÍ GAZ  
**202.854** mmBTU



### TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn cung cấp nước: Nước thủy cục

Lượng nước sử dụng  
**118.256** m<sup>3</sup>



## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật và của địa phương về môi trường như: Thực hiện các biện pháp đánh giá, giám sát và bảo vệ môi trường; kiểm định máy móc, thiết bị nhà xưởng, phòng cháy chữa cháy và phối hợp chặt chẽ với cơ quan nhà nước trong việc kiểm tra và báo cáo định kỳ.

Không ngừng cải thiện các hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo kết quả kiểm định luôn đáp ứng năng lực vận hành của các hệ thống xử lý nước thải và tuân thủ pháp luật môi trường.

Khuôn viên được trồng cây xanh để đảm bảo môi trường làm việc xanh – Thân thiện môi trường, công tác an ninh trật tự, PCCC, an toàn vệ sinh thực phẩm cũng được chú trọng quan tâm đúng mức. Trong nhiều năm qua, Công ty không để xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng, cháy nổ hay ngộ độc thực phẩm.

### CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

**Nhân lực** là tài sản quan trọng của Công ty. Công ty luôn quan tâm, coi trọng để có được sự ủng hộ, cống hiến và hợp tác lâu dài với người lao động thông qua sự quan tâm và tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy được năng lực, đặc biệt đối với người lao động có kinh nghiệm, trình độ thì hoạt động sản xuất kinh doanh mới có thể duy trì được sự tăng trưởng cao và bền vững.

**Số lượng lao động** tính đến ngày 31/12/2020 là 1.401 lao động. Đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao, cơ cấu lao động hợp lý.

### Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:



Tạo môi trường làm việc thân thiện, gắn kết quan hệ giữa các nhân viên và xây dựng văn hóa công ty.



Luôn luôn chung sức, đồng lòng cùng người lao động, đảm bảo ổn định việc làm và đời sống của người lao động, đảm bảo tất cả người lao động của Công ty được quan tâm, được hưởng tất cả các quyền lợi về vật chất và tinh thần theo quy định của pháp luật.



Đảm bảo thực hiện các chế độ đãi ngộ, công bằng, minh bạch.



Luôn khuyến khích tạo điều kiện cho người lao động nâng cao kiến thức, kỹ năng để phát triển. Khuyến khích đề cao tính sáng tạo được áp dụng vào thực tiễn.

### Hoạt động đào tạo người lao động:

Với mong muốn thúc đẩy sự phát triển không ngừng của cả tập thể, công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho toàn thể cán bộ nhân viên thuộc mọi vị trí. Tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, học tập những kỹ năng mới cần thiết cho nhân viên để phát triển năng lực công tác nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty.

**1.401** lao động  
tính đến ngày 31/12/2020



## CAM KẾT CỦA CHÚNG TÔI



### CHẤT LƯỢNG



Công ty kiểm soát chất lượng sản phẩm chặt chẽ từ đầu vào và trên từng khâu đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế và đúng chất lượng theo yêu cầu của khách hàng.

Thành phẩm sau sản xuất cũng được đóng gói theo quy định nhằm bảo đảm chất lượng, dán nhãn rõ ràng để nhận diện thương hiệu, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, đảm bảo không bị móp méo, chảy,... trong quá trình lưu kho, bốc xếp, vận chuyển.

### SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN



Được đầu tư các công nghệ hiện đại và không ngừng nghiên cứu cải tiến hệ thống dây chuyền sản xuất, các nhà máy của Công ty áp dụng và duy trì hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm GMP-HACCP nhằm nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng cũng như thể hiện trách nhiệm đối với xã hội, đối với môi trường.

### VĂN HÓA DOANH NGHIỆP



Con người là tài sản quý giá nhất của một tổ chức. Tại Tường An luôn trân trọng sự đóng góp của tất cả mọi người vào thành công chung. Công ty luôn mang đến cho tất cả các thành viên một môi trường làm việc năng động và công bằng, chuyên nghiệp và thân thiện, là nơi mà mỗi nhân viên đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện, phát triển sự nghiệp để hướng đến sự thành công trong nghề nghiệp của bản thân.

Công ty đảm bảo các quyền lợi chính đáng của người lao động phù hợp với pháp luật Việt Nam. Đảm bảo công bằng cho người lao động ở công việc, thu nhập và cơ hội.

Không phân biệt đối xử dựa trên giới tính, tuổi tác, tôn giáo.

### PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Khi phát triển kinh tế song hành cùng giá trị môi trường – xã hội, phát triển bền vững đã trở thành yêu cầu tiên quyết trong mọi hoạt động của Công ty.

Công ty xác định hỗ trợ phát triển cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội là một trong những mục tiêu phát triển bền vững. Mục tiêu này được hiện thực hóa bằng ngân sách cụ thể và các chương trình hỗ trợ cộng đồng thiết thực.

Mục tiêu chính của các hoạt động phát triển cộng đồng là đảm bảo cho người lao động và cộng đồng dân cư có đời sống tốt hơn so với trước đây.

Bảo đảm các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đáp ứng các quy định pháp luật và tiêu chuẩn môi trường liên quan. Bảo đảm tất cả các chỉ số phát thải không vượt quá quy định pháp luật cho phép.

Công ty cam kết phải sử dụng một cách hiệu quả nguồn tài nguyên, cẩn trọng hoạch định các hoạt động để đem đến lợi ích hiện tại cũng như lợi ích lâu dài cho con người, môi trường và sự thịnh vượng chung. Đây chính là tinh cảm Công ty để tri ân những đóng góp của người lao động, của địa phương vào quá trình phát triển bền vững của Công ty.



## CAM KẾT CỦA CHÚNG TÔI (tiếp theo)



AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP



Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thực phẩm, nhà máy được xây dựng, cải tiến, trang bị bằng các thiết bị tự động, hầu như không gây ra tác động nào đáng kể đến con người. Nhà máy được xây dựng ở khu công nghiệp, nằm ở khu dành riêng cho sản xuất thực phẩm. Đây là yếu tố để hạn chế tối đa các ảnh hưởng tiêu cực về an toàn – xã hội đối với người lao động cũng như cộng đồng xung quanh.

Các tiêu chuẩn, quy định của nhà nước cũng như nội quy, quy định của công ty về an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp đều được cập nhật kịp thời và phổ biến đầy đủ đến người lao động trước khi tham gia vào dây chuyền sản xuất.

Cán bộ nhân viên được trang bị dụng cụ bảo hộ đạt tiêu chuẩn chất lượng, khám sức khỏe định kỳ để hạn chế tối đa những rủi ro cũng như phát hiện bệnh và điều trị kịp thời. Ở kho bãi, nhà xưởng, văn phòng được trang bị hệ thống báo cháy và các dụng cụ phòng cháy chữa cháy.

Nơi làm việc của Công ty luôn đảm bảo thông thoáng và đầy đủ ánh sáng, các yếu tố như bụi bẩn, khí độc, tiếng ồn,... được hạn chế tối đa, tránh gây hại cho môi trường và sức khỏe người lao động.



PHÚC LỢI CHO NHÂN VIÊN



Công ty không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng môi trường làm việc và các chính sách phúc lợi khác nhằm hướng tới mục tiêu không ngừng cải thiện chất lượng làm việc và cuộc sống của người lao động cả về vật chất và tinh thần.

Văn phòng làm việc được mở rộng và nâng cấp với trang thiết bị hiện đại và trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động. Công ty cam kết tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, an toàn, thoải mái cho tất cả nhân viên để khuyến khích năng suất và sáng tạo.

Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm cho tất cả cán bộ nhân viên, được hưởng các chính sách về thai sản. Ngoài ra, Công ty còn có các chế độ phúc lợi khác như: Tổ chức các hoạt động văn nghệ vào các dịp kỷ niệm, hỗ trợ nhân viên nữ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ và ngày Phụ nữ Việt Nam, hỗ trợ kết hôn, tang chế.

Mỗi năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho cán bộ nhân viên tham quan nghỉ mát, chăm lo đến đời sống cán bộ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà cho con của cán bộ nhân viên nhân ngày Quốc tế thiếu nhi, tết Trung thu và khen thưởng CBNV có con đạt học sinh giỏi.



MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG



Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cũng có những tác động nhất định tới môi trường xung quanh, trong đó đáng chú ý là vấn đề môi trường và rác thải. Công ty xây dựng quy trình xử lý chất thải, tuân thủ các yêu cầu của luật định và không tác động tiêu cực tới môi trường xung quanh.

Tuân thủ các luật định và yêu cầu khác liên quan đến công tác bảo vệ môi trường. Phát triển bền vững, ngăn ngừa ô nhiễm và quản lý môi trường hiện có để giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, đặc biệt tập trung kiểm soát nước thải.

Đào tạo nhận thức cho cán bộ nhân viên, xây dựng văn hóa doanh nghiệp về vấn đề bảo vệ môi trường. Công ty đảm bảo tuân thủ các yêu cầu bảo vệ môi trường và tuân theo khuyến cáo của các tổ chức liên quan.

Liên tục cải tiến hệ thống xử lý nước thải nhằm có được các kết quả hoạt động môi trường ngày càng tốt hơn.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Tiếp tục thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với trách nhiệm cộng đồng – xã hội. Đây là nền tảng để Tường An giữ vững được vị trí hàng đầu trong ngành dầu. Chúng tôi đã và đang nỗ lực thực hiện, đặt mục tiêu hàng đầu bằng những hành động vì cộng đồng để lan tỏa, thúc đẩy và kêu gọi các bên cùng tham gia vì một thế giới ngày càng tốt đẹp hơn.

Công ty hiểu rằng, sự ủng hộ và tin tưởng của cộng đồng là cơ sở quan trọng để đạt được những thành công cuối cùng. Mặt khác, Công ty cũng nhận thức rõ trách nhiệm đối với những tác động tới cộng đồng và môi trường xung quanh, do đó Công ty nỗ lực hài hòa lợi ích của các bên để tìm kiếm sự ủng hộ và đồng thuận của cả cộng đồng.

- Bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường sống cho cộng đồng, đảm bảo an toàn thực phẩm và sức khỏe cho người lao động và cộng đồng: Tiết kiệm nhiên liệu, tiết kiệm nguồn tài nguyên nước, giảm lượng khí thải ra môi trường,... để góp phần bảo vệ môi trường.

- Đồng hành cùng Quỹ "Vi Người Nghèo" do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam – TP HCM triển khai.

# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2020



### CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG

Xây dựng thương hiệu mạnh được người tiêu dùng yêu mến, tin cậy.

Đẩy mạnh phát triển các dòng sản phẩm mới chú trọng vào sức khỏe. Khuyến khích người tiêu dùng từ việc sử dụng sản phẩm phân khúc bình dân chuyển sang sử dụng các sản phẩm trung và cao cấp hơn thông qua những sáng kiến đổi mới giúp tăng giá trị sản phẩm.

Đưa ra các phát kiến hiệu quả, tung ra các sản phẩm mới, thiết yếu phù hợp với nhu cầu hàng ngày của người tiêu dùng.

Đẩy mạnh bao phủ và sự hiện diện sản phẩm trên thị trường thông qua hệ thống bán hàng, xây dựng hệ thống phân phối lớn mạnh.



### CÔNG TÁC SẢN XUẤT

Tinh gọn hoạt động sản xuất để tối ưu hóa hoạt động và tiết giảm chi phí sản xuất trong bối cảnh chi phí đầu vào liên tục tăng.

Mạnh mẽ đầu tư về công nghệ, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới nhằm theo kịp xu thế thị trường, thị hiếu người tiêu dùng. Kịp thời giới thiệu những sản phẩm mới đến với mọi tầng lớp người tiêu dùng Việt.



### CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Thực hiện theo đúng quy định, chuẩn mực kế toán.

Sử dụng linh hoạt, khai thác hiệu quả, tối ưu hóa dòng tiền nhằm tạo ra giá trị tăng thêm cho Công ty.

Chủ động tìm kiếm các tổ chức tín dụng có lãi suất thấp, năng lực tốt để vay vốn.

Đốc thúc công nợ để thu hồi vốn nhanh, giảm chi phí tài chính.

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Nhận định thị trường năm 2021 vẫn còn nhiều khó khăn, tình hình kinh tế thế giới tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn. Sự xuất hiện của nhiều nhãn hiệu dầu ăn mới và ngành hàng thực phẩm thiết yếu cạnh tranh rất khốc liệt, giá nguyên liệu biến động phức tạp, các công ty dầu ăn trên thị trường có xu hướng giảm giá bán để chiếm thị phần. Đó là những vấn đề sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Để đạt được kế hoạch năm 2021 Công ty sẽ chú trọng một số nội dung sau:

1

Quyết tâm thực hiện mục tiêu chiếm lĩnh thị trường, nằm trong top dẫn đầu ngành dầu ăn tại thị trường Việt Nam. Tăng cường đầu tư, xây dựng thương hiệu và các nhãn hàng.

2

Cải thiện hệ thống kênh phân phối, gia tăng độ phủ của các sản phẩm chủ lực, gia tăng độ phủ tại các thị trường lớn, phát triển kênh hiện đại và kênh thương mại điện tử.

3

Quản trị tài chính, quản trị hàng tồn kho hiệu quả. Cải thiện năng suất để nâng cao chất lượng, giảm giá thành.



## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động. Trong quá trình hoạt động, các Nhà máy đã thực hiện giám sát môi trường định kỳ.

Luôn cập nhật các văn bản pháp luật về môi trường.

Trong khuôn viên nhà máy, để có sự bố trí hài hòa giữa các khu vực sản xuất, Công ty đã dành nhiều diện tích để trồng cây xanh, thảm cỏ nhằm tạo cảnh quan và góp phần làm không khí trong lành.

Tăng cường các biện pháp để làm thông thoáng nhà xưởng, trang bị quạt hút, quạt công nghiệp,...

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Thực hiện các hoạt động cộng đồng, xã hội, đóng góp vào sự phát triển chung.

Công ty luôn thấu hiểu về mối quan tâm của cộng đồng xã hội và đánh giá đây là yếu tố quan trọng giúp Công ty có thể hoạt động bền vững và nhận được sự ủng hộ của cộng đồng.

Công ty tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình, hoạt động từ thiện và tài trợ, chung tay góp sức xây dựng cộng đồng ngày một phát triển.

Công ty duy trì và phát triển các kênh tiếp nhận thông tin phản hồi tới công ty thông qua email, điện thoại hoặc góp ý trực tiếp. Mọi thông tin được tiếp nhận đầy đủ, xem xét cẩn trọng và phản hồi kịp thời.

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhân lực là tài sản quan trọng của Công ty. Công ty luôn quan tâm, coi trọng để có được sự ủng hộ, cống hiến và hợp tác lâu dài với người lao động thông qua sự quan tâm và tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy được năng lực, đặc biệt đối với người lao động có kinh nghiệm, trình độ thì hoạt động sản xuất kinh doanh mới có thể duy trì được sự tăng trưởng cao và bền vững. Bởi vậy, người lao động trong Công ty luôn được quan tâm và có chính sách phù hợp để xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài.

Tạo môi trường làm việc thân thiện, gắn kết quan hệ giữa các nhân viên và xây dựng văn hóa Công ty. Luôn chung sức, đồng lòng với người lao động, đảm bảo ổn định việc làm và đời sống của người lao động, đảm bảo người lao động được hưởng tất cả quyền lợi về vật chất và tinh thần theo quy định của pháp luật.

Đảm bảo chế độ đãi ngộ, lương thưởng xứng đáng, công bằng. Luôn khuyến khích tạo điều kiện cho người lao động nâng cao kiến thức, kỹ năng để phát triển. Khuyến khích đề cao tính sáng tạo được áp dụng vào thực tiễn.

Công tác an toàn vệ sinh lao động luôn được Công ty quan tâm thông qua các hoạt động cụ thể: khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



#### TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2020

Công ty không có những công trình đầu tư xây dựng cơ bản lớn.

#### TÌNH HÌNH MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI NĂM 2020

Thực hiện lối sống xanh: môi trường làm việc xanh sạch đẹp.

#### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị đã tiến hành 10 cuộc họp, ban hành 12 Nghị quyết/Quyết định để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT.

#### Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị :

Từ 01/01/2020 đến 31/08/2020

| TT | Thành viên HĐQT      | Chức vụ    | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp |
|----|----------------------|------------|--------------------------|-------------------|
| 1  | Nguyễn Thị Hạnh      | Chủ tịch   | 8                        | 100%              |
| 2  | Trần Lệ Nguyên       | Thành viên | 8                        | 100%              |
| 3  | Nguyễn Thị Xuân Liễu | Thành viên | 8                        | 100%              |
| 4  | Lê Thị Mỹ Vân        | Thành viên | 8                        | 100%              |
| 5  | Nguyễn Thị Thanh Vân | Thành viên | 8                        | 100%              |

Từ 01/09/2020 đến 31/12/2020

| TT | Thành viên HĐQT      | Chức vụ    | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp |
|----|----------------------|------------|--------------------------|-------------------|
| 1  | Trần Lệ Nguyên       | Chủ tịch   | 2                        | 100%              |
| 2  | Nguyễn Thị Xuân Liễu | Thành viên | 2                        | 100%              |
| 3  | Lê Thị Mỹ Vân        | Thành viên | 2                        | 100%              |
| 4  | Nguyễn Thị Thanh Vân | Thành viên | 2                        | 100%              |

Thông qua các buổi họp thường kỳ, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết sau:

| STT | Số Nghị quyết | Ngày       | Nội dung  |
|-----|---------------|------------|---|
| 1   | 13/NQ-HĐQT    | 31/03/2020 | Triển khai các nội dung chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020                       |
| 2   | 14/QĐ-HĐQT    | 10/04/2020 | Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Điều hành  |
| 3   | 16/NQ-HĐQT    | 22/04/2020 | Chốt ngày đăng ký cuối cùng tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và tạm ứng cổ tức năm 2019 |
| 4   | 21/QĐ-HĐQT    | 04/06/2020 | Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty   |
| 5   | 24/NQ-HĐQT    | 30/06/2020 | Phê duyệt đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020  |
| 6   | 26/QĐ-HĐQT    | 01/07/2020 | Bổ nhiệm người đứng đầu Nhà máy Dầu Phú Mỹ  |
| 7   | 37/NQ-HĐQT    | 21/08/2020 | Chốt ngày đăng ký cuối cùng chi trả cổ tức đặc biệt                                       |
| 8   | 39/NQ-HĐQT    | 31/08/2020 | Chấp thuận đơn từ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT   |
| 9   | 40/NQ-HĐQT    | 31/08/2020 | Chấp thuận đơn từ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc   |
| 10  | 41/QĐ-HĐQT    | 01/09/2020 | Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ còn lại 2017-2022   |
| 11  | 42/QĐ-HĐQT    | 01/09/2020 | Bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty  |
| 12  | 50/NQ-HĐQT    | 11/12/2020 | Chốt ngày đăng ký cuối cùng tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền                             |

#### Hoạt động của các ủy ban của Hội đồng Quản trị

Cho đến cuối năm 2020, Tường An vẫn chưa thành lập Ủy Ban hoặc Tiểu Ban thuộc Hội đồng Quản trị





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

### ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

HĐQT luôn theo dõi, chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.

Đứng trước những thách thức cũng như sự cạnh tranh khốc liệt trong hoạt động chính của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã và đang triển khai thực hiện hầu hết các nhiệm vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT, đặc biệt việc rà soát và bám sát chiến lược phát triển của Công ty hằng năm.

Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính năm 2020, Báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo thường niên năm 2019.

Giám sát, chỉ đạo và đảm bảo thông tin được công bố đầy đủ, minh bạch, kịp thời theo đúng quy định của Sở GDCK và UBCK Nhà nước.

Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ được giao. Đồng thời, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy chế, quy định trong hoạt động điều hành, phân cấp quản trị theo Điều lệ, Quy chế quản trị, các Quy chế nội bộ của Công ty cũng như các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.

### CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Công ty đang xây dựng kế hoạch và sẽ trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ chỉ tiêu kinh doanh năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua và điều kiện thực tế của Công ty, HĐQT sẽ nâng cao hiệu quả và phương thức hoạt động cho phù hợp với thông lệ, đảm bảo thực hiện tốt chức năng của HĐQT. Đồng thời, tăng cường quản lý giám sát đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực thi các Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật và hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh năm 2021.



# QUẢN TRỊ CÔNG TY

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị từ 01/01-31/08/2020

| STT | Họ tên               | Chức vụ tại Công ty /quan hệ | Số cổ phần có quyền biểu quyết | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|----------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Hạnh      | Chủ tịch Hội đồng Quản trị   | 15.000                         | 0,0443%          |
| 2   | Trần Lệ Nguyên       | Thành viên Hội đồng Quản trị | 50.000                         | 0,1476%          |
| 3   | Nguyễn Thị Xuân Liễu | Thành viên Hội đồng Quản trị | 15.000                         | 0,0443%          |
| 4   | Lê Thị Mỹ Vân        | Thành viên Hội đồng Quản trị | 0                              | 0%               |
| 5   | Nguyễn Thị Thanh Vân | Thành viên Hội đồng Quản trị | 0                              | 0%               |

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị từ 01/09-31/12/2020

| STT | Họ tên               | Chức vụ tại Công ty /quan hệ | Số cổ phần có quyền biểu quyết | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|----------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------|
| 1   | Trần Lệ Nguyên       | Chủ tịch Hội đồng Quản trị   | 50.000                         | 0,1476%          |
| 2   | Nguyễn Thị Xuân Liễu | Thành viên Hội đồng Quản trị | 0                              | 0%               |
| 3   | Lê Thị Mỹ Vân        | Thành viên Hội đồng Quản trị | 0                              | 0%               |
| 4   | Nguyễn Thị Thanh Vân | Thành viên Hội đồng Quản trị | 0                              | 0%               |

Ông Trần Lệ Nguyên được bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT theo Quyết định số 41/QĐ-HĐQT.20 ngày 01/09/2020 thay bà Nguyễn Thị Hạnh có đơn từ nhiệm thành viên HĐQT.

### Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, bất thường nhằm kịp thời thảo luận các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và các vấn đề quan trọng khác của Công ty.

Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh luôn được Thư ký HĐQT cập nhật đầy đủ, kịp thời và chính xác trước các cuộc họp. Nội dung được phê duyệt thường được nhất trí thống nhất bởi các thành viên HĐQT trước khi thực hiện.

Các thành viên HĐQT đều nghiêm túc tuân thủ quy định trong Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty và quy định pháp luật hiện hành. Tất cả thành viên HĐQT đều thể hiện rõ vai trò và đóng góp tích cực vào sự phát triển của Công ty.

### Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành

Đại hội đồng cổ đông năm 2019 được tiến hành vào ngày 10/06/2019 đã bầu Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ mới 2017 – 2022, trong đó Bà Lê Thị Mỹ Vân và Bà Nguyễn Thị Thanh Vân là thành viên độc lập. Các thành viên HĐQT độc lập tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề, quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

## BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

| STT | Họ tên            | Chức vụ tại Công ty /quan hệ   | Số cổ phần có quyền biểu quyết | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|-------------------|--|--------------------------------|------------------|
| 1   | Bùi Thị Thu Hằng  | • Trưởng Ban Kiểm soát<br>• Trưởng phòng KSNB Công ty CP DTV Tường An                      | 0                              | 0%               |
| 2   | Nguyễn Đức Thuyết | • Kiểm soát viên<br>• Trưởng phòng Kế toán Tổng Công ty CN DTV VN - CTCP                   | 0                              | 0%               |
| 3   | Hồ Minh Sơn       | • Kiểm soát viên<br>• Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Tổng Công ty CN DTV VN - CTCP | 0                              | 0%               |

### Các hoạt động của Ban Kiểm soát

#### Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hằng quý (và bất thường), các thành viên tham dự họp đầy đủ, đúng theo quy định của Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

HĐQT đã ban hành nhiều Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đầy đủ căn cứ pháp lý theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp Nghị quyết ĐHCĐ về điều hành hoạt động SXKD của công ty hằng năm.

#### Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Điều hành

HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban TGD Điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ và phối hợp cùng Ban Điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD của Công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu đã được thông qua trong Nghị quyết ĐHCĐ.

Các hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của HĐQT, Ban TGD thường xuyên báo cáo HĐQT để kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

Ban TGD đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế và phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, triển khai kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT, không có vi phạm nào ảnh hưởng lớn tới hiệu quả hoạt động của Công ty.

#### Hoạt động của Ban Kiểm soát

BKS đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.

Thẩm tra các BCTC nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành.

Trong nhiệm kỳ, BKS không nhận được khiếu nại nào bằng văn bản của cổ đông về hoạt động kinh doanh của Công ty.



## QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

### BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

#### Kết luận công tác giám sát của ban kiểm soát

Trong nhiệm kỳ, BKS được HĐQT và Ban TGD tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát không thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động, các Nghị quyết của HĐQT ban hành đều tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Kết quả SXKD và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát: Hưởng thù lao do ĐHĐCĐ quyết định hàng năm.

Lương, thưởng của Ban Điều hành: Được thể hiện trong báo cáo tài chính.

### Báo cáo các giao dịch liên quan

Giao dịch giữa Công ty với cổ đông lớn:

Trong năm 2020, Công ty không có phát sinh giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn.

Giao dịch giữa các bên liên quan:

Giao dịch giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO: Mua nguyên liệu, hàng hóa, thương mại, dịch vụ; Bán hàng thành phẩm; Hợp tác đầu tư kinh doanh.

Giao dịch giữa Công ty với Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP: Mua nguyên liệu.

Giao dịch giữa Công ty với Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO: Mua hàng hóa; Bán hàng thành phẩm.

Giao dịch giữa Công ty với Công ty TNHH KIDO - NHÀ BÈ: Mua hàng hóa; Bán nguyên liệu.

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm 2020, Công ty có phát sinh giao dịch cổ phiếu của người có liên quan đến cổ đông nội bộ.

Cổ đông Nguyễn Thị Xuân Liễu – Thành viên HĐQT Công ty: Thực hiện giao dịch bán 15.000 cổ phiếu từ ngày 04/09/2020 đến ngày 07/09/2020.

Cổ đông Nguyễn Đức Thuyết – Thành viên BKS Công ty: Thực hiện giao dịch bán 1.840 cổ phiếu vào ngày 04/09/2020.

Cổ đông Vũ Đức Thịnh – Phó TGD Tài chính Công ty: Thực hiện giao dịch bán 10.000 cổ phiếu vào ngày 04/09/2020.

Cổ đông Nguyễn Phương Thảo – Kế toán trưởng Công ty: Thực hiện giao dịch bán 3.000 cổ phiếu vào ngày 04/09/2020.

Cổ đông Nguyễn Thị Phương Nga – Chi ruột của Kế toán trưởng Công ty: Thực hiện giao dịch bán 10.760 cổ phiếu từ ngày 04/09/2020 đến ngày 17/09/2020.

Cổ đông Hồ Minh Sơn – Thành viên BKS Công ty: Thực hiện giao dịch bán 6.000 cổ phiếu từ ngày 04/09/2020 đến ngày 08/09/2020.

### Việc thực hiện các quy định về Quản trị Công ty

Trong năm 2020, công ty Tường An đã thực hiện và báo cáo kịp thời cũng như công bố thông tin định kỳ về tình hình Quản trị Công ty hàng quý, bán niên và hàng năm đến các nhà đầu tư.



“  
**Ghi dấu của sự  
TĂNG TRƯỞNG CAO NHẤT**  
trong lịch sử

**CHƯƠNG 4: BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Thông tin chung

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**MỤC LỤC**

|                                      | Trang    |
|--------------------------------------|----------|
| Thông tin chung                      | 87 - 88  |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc        | 89       |
| Báo cáo kiểm toán độc lập            | 90       |
| Bảng cân đối kế toán                 | 91 - 92  |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 93       |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | 94 - 95  |
| Thuyết minh báo cáo tài chính        | 96 - 122 |

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dầu Thực Vật Tường An (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy dầu Tường An thuộc Công ty Dầu Thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam) theo Quyết định số 42/2004/QĐ-BCN ngày 4 tháng 6 năm 2004 của Bộ Công nghiệp (hiện nay là Bộ Công thương). Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103002698 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 9 năm 2004, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các hạt có dầu, thạch dừa; sản xuất, kinh doanh các loại bao bì đóng gói; xuất khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất chế biến ngành dầu thực vật.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                                |                    |                                    |
|--------------------------------|--------------------|------------------------------------|
| <b>Bà Nguyễn Thị Hạnh</b>      | Chủ tịch           | miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2020 |
| <b>Ông Trần Lệ Nguyên</b>      | Chủ tịch           | bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2020   |
| <b>Ông Trần Lệ Nguyên</b>      | Thành viên         | miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2020 |
| <b>Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu</b> | Thành viên         |                                    |
| <b>Bà Lê Thị Mỹ Vân</b>        | Thành viên độc lập |                                    |
| <b>Bà Nguyễn Thị Thanh Vân</b> | Thành viên độc lập |                                    |

**BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                              |            |                                     |
|------------------------------|------------|-------------------------------------|
| <b>Bà Bùi Thị Thu Hằng</b>   | Trưởng ban | bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020   |
| <b>Bà Bùi Thị Thu Hằng</b>   | Thành viên | bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2020   |
| <b>Ông Nguyễn Đức Thuyết</b> | Trưởng ban | miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020 |
| <b>Ông Nguyễn Đức Thuyết</b> | Thành viên | bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020   |
| <b>Ông Hồ Minh Sơn</b>       | Thành viên |                                     |
| <b>Bà Cao Hoài Thu</b>       | Thành viên | miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2020 |

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                           |                             |                                    |
|---------------------------|-----------------------------|------------------------------------|
| <b>Ông Bùi Thanh Tùng</b> | Tổng Giám đốc               | bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2020   |
| <b>Ông Hà Bình Sơn</b>    | Tổng Giám đốc               | miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2020 |
| <b>Ông Vũ Đức Thịnh</b>   | Phó Tổng Giám đốc Tài chính |                                    |

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                    |          |                                    |
|--------------------|----------|------------------------------------|
| Ông Trần Lệ Nguyên | Chủ tịch | bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2020   |
| Bà Nguyễn Thị Hạnh | Chủ tịch | miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2020 |

Ông Bùi Thanh Tùng được Ông Trần Lệ Nguyên ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy Ủy quyền số 32A/UQ.HĐQT.19 ngày 1 tháng 9 năm 2020.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu Thực Vật Tường An (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- » lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- » lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Bùi Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 19 tháng 3 năm 2021

**KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu Thực Vật Tường An (“Công ty”) được lập ngày 19 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 91 đến trang 122, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM**



Ernest Young Chin Kang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1891-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 19 tháng 3 năm 2021

Dương Phúc Kiên  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 4613-2018-004-1

VND

| Mã số      | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   |             | <b>2.195.686.677.763</b> | <b>1.600.637.536.645</b> |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>4</b>    | <b>243.860.241.159</b>   | <b>53.963.419.150</b>    |
| 111        | 1. Tiền                                      |             | 213.860.241.159          | 53.963.419.150           |
| 112        | 2. Các khoản tương đương tiền                |             | 30.000.000.000           | -                        |
| <b>120</b> | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         |             | <b>350.000.000.000</b>   | <b>288.000.000.000</b>   |
| 123        | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 5           | 350.000.000.000          | 288.000.000.000          |
| <b>130</b> | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>6</b>    | <b>653.034.360.486</b>   | <b>672.394.955.420</b>   |
| 131        | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          |             | 279.862.946.365          | 233.117.971.106          |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          |             | 6.953.275.970            | 984.402.059              |
| 135        | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn              |             | 30.000.000.000           | 150.000.000.000          |
| 136        | 4. Phải thu ngắn hạn khác                    |             | 336.218.138.151          | 288.292.582.255          |
| <b>140</b> | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>7</b>    | <b>901.085.445.738</b>   | <b>559.790.795.363</b>   |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                              |             | 901.085.445.738          | 560.316.643.847          |
| 149        | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            |             | -                        | (525.848.484)            |
| <b>150</b> | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              |             | <b>47.706.630.380</b>    | <b>26.488.366.712</b>    |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 8           | 3.169.164.900            | 1.741.139.317            |
| 152        | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   |             | 44.371.687.077           | 24.670.330.278           |
| 153        | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 14          | 165.778.403              | 76.897.117               |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    |             | <b>100.103.714.169</b>   | <b>130.601.842.104</b>   |
| <b>210</b> | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         |             | <b>1.674.414.000</b>     | <b>2.394.467.322</b>     |
| 212        | 1. Trả trước cho người bán dài hạn           |             | -                        | 591.533.322              |
| 216        | 2. Phải thu dài hạn khác                     | 6           | 1.674.414.000            | 1.802.934.000            |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>                   |             | <b>80.689.646.255</b>    | <b>79.716.238.436</b>    |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 9           | 69.236.342.959           | 71.652.762.505           |
| 222        | Nguyên giá                                   |             | 534.850.885.202          | 516.894.415.656          |
| 223        | Giá trị hao mòn lũy kế                       |             | (465.614.542.243)        | (445.241.653.151)        |
| 227        | 2. Tài sản cố định vô hình                   | 10          | 11.453.303.296           | 8.063.475.931            |
| 228        | Nguyên giá                                   |             | 18.362.058.711           | 13.695.032.011           |
| 229        | Giá trị hao mòn lũy kế                       |             | (6.908.755.415)          | (5.631.556.080)          |
| <b>240</b> | <b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>          |             | <b>2.776.645.590</b>     | <b>5.345.359.400</b>     |
| 242        | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 11          | 2.776.645.590            | 5.345.359.400            |
| <b>250</b> | <b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>          |             | <b>6.370.000.000</b>     | <b>16.370.000.000</b>    |
| 255        | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 5           | 6.370.000.000            | 16.370.000.000           |
| <b>260</b> | <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>               |             | <b>8.593.008.324</b>     | <b>26.775.776.946</b>    |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 8           | 5.140.421.157            | 15.666.080.542           |
| 262        | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại            | 25.3        | 3.452.587.167            | 11.109.696.404           |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     |             | <b>2.295.790.391.932</b> | <b>1.731.239.378.749</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-DN

VND

| Mã số | NGUỒN VỐN   | Thuyết minh | Số cuối năm       | Số đầu năm        |
|-------|---|-------------|-------------------|-------------------|
| 300   | C. NỢ PHẢI TRẢ  |             | 1.847.543.405.106 | 1.054.982.632.989 |
| 310   | I. Nợ ngắn hạn  |             | 1.834.271.402.351 | 1.021.794.606.553 |
| 311   | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                              | 12          | 568.487.540.187   | 379.059.807.036   |
| 312   | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                        | 13          | 66.499.294.902    | 18.412.282.817    |
| 313   | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                      | 14          | 10.403.200.470    | 29.927.782.477    |
| 314   | 4. Phải trả người lao động                                  |             | 37.302.863.568    | 30.997.770.750    |
| 315   | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                | 15          | 63.999.343.591    | 93.095.760.169    |
| 319   | 6. Phải trả ngắn hạn khác                                   | 16          | 68.012.624.777    | 203.232.284       |
| 320   | 7. Vay ngắn hạn   | 17          | 998.356.190.051   | 458.840.375.653   |
| 322   | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                |             | 21.210.344.805    | 11.257.595.367    |
| 330   | II. Nợ dài hạn  |             | 13.272.002.755    | 33.188.026.436    |
| 342   | 1. Dự phòng phải trả dài hạn                                |             | 13.272.002.755    | 33.188.026.436    |
| 400   | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU   |             | 448.246.986.826   | 676.256.745.760   |
| 410   | I. Vốn chủ sở hữu   | 18.1        | 448.246.986.826   | 676.256.745.760   |
| 411   | 1. Vốn cổ phần  |             | 338.796.480.000   | 338.796.480.000   |
| 411a  | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      |             | 338.796.480.000   | 338.796.480.000   |
| 412   | 2. Thặng dư vốn cổ phần                                     |             | -                 | 27.306.317.000    |
| 415   | 3. Cổ phiếu quỹ   |             | (94.500.000)      | (94.500.000)      |
| 418   | 4. Quỹ đầu tư phát triển                                    |             | -                 | 26.948.690.436    |
| 421   | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        |             | 109.545.006.826   | 283.299.758.324   |
| 421a  | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước |             | 746.520.219       | 147.073.944.318   |
| 421b  | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   |             | 108.798.486.607   | 136.225.814.006   |
| 440   | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN   |             | 2.295.790.391.932 | 1.731.239.378.749 |

Hoàng Thị Ngọc  
Người lậpNguyễn Phương Thảo  
Kế toán trưởngBùi Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02-DN

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                    | Thuyết minh | Năm nay             | Năm trước           |
|-------|---|-------------|---------------------|---------------------|
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng                       | 19.1        | 5.338.645.996.898   | 4.210.240.551.226   |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu             | 19.1        | (91.888.576.172)    | (68.057.435.652)    |
| 10    | 3. Doanh thu thuần từ bán hàng              | 19.1        | 5.246.757.420.726   | 4.142.183.115.574   |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                         | 20          | (4.484.537.704.903) | (3.480.623.376.050) |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng                |             | 762.219.715.823     | 661.559.739.524     |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính            | 19.2        | 41.256.081.532      | 27.225.038.700      |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                        | 21          | (29.675.611.551)    | (28.131.430.815)    |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                   |             | (29.639.271.520)    | (27.956.585.116)    |
| 25    | 8. Chi phí bán hàng                         | 22          | (441.547.127.771)   | (424.103.454.791)   |
| 26    | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp             | 23          | (112.800.469.090)   | (73.072.218.749)    |
| 30    | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh |             | 219.452.588.943     | 163.477.673.869     |
| 31    | 11. Thu nhập khác                           |             | 1.588.826.586       | 7.294.208.043       |
| 32    | 12. Chi phí khác                            |             | (4.960.000)         | (237.357.702)       |
| 40    | 13. Lợi nhuận khác                          |             | 1.583.866.586       | 7.056.850.341       |
| 50    | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế       |             | 221.036.455.529     | 170.534.524.210     |
| 51    | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành             | 25.1        | (36.828.563.685)    | (34.694.206.936)    |
| 52    | 16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại   | 25.1        | (7.657.109.237)     | 385.496.732         |
| 60    | 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN                 |             | 176.550.782.607     | 136.225.814.006     |
| 70    | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                | 18.4        | 5.212               | 3.619               |
| 71    | 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu              | 18.4        | 5.212               | 3.619               |

Hoàng Thị Ngọc  
Người lậpNguyễn Phương Thảo  
Kế toán trưởngBùi Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2021



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03-DN

VND

| Mã số   | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm nay           | Năm trước         |
|---|--|-------------|-------------------|-------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> |  |             |                   |                   |
| 01  | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                    |             | 221.036.455.529   | 170.534.524.210   |
| <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>                  |  |             |                   |                   |
| 02  | Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình |             | 23.046.618.268    | 30.238.775.513    |
| 03  | (Hoàn nhập các khoản dự phòng) các khoản dự phòng                    |             | (20.441.872.165)  | 17.099.047.360    |
| 05  | Lãi từ hoạt động đầu tư  |             | (34.583.974.542)  | (32.882.000.093)  |
| 06  | Chi phí lãi vay  | 21          | 29.639.271.520    | 27.956.585.116    |
| 08  | Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động              |             | 218.696.498.610   | 212.946.932.106   |
| 09  | Tăng các khoản phải thu  |             | (114.494.219.876) | (47.987.230.556)  |
| 10  | (Tăng) giảm hàng tồn kho   |             | (340.768.801.891) | 283.240.094.376   |
| 11  | Tăng (giảm) các khoản phải trả                                       |             | 200.781.947.484   | (283.028.196.028) |
| 12  | Giảm chi phí trả trước   |             | 8.132.685.914     | 12.247.163.687    |
| 14  | Tiền lãi vay đã trả  |             | (29.254.851.541)  | (28.243.304.073)  |
| 15  | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                    | 14          | (43.362.851.436)  | (33.020.604.956)  |
| 17  | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                               |             | (4.807.684.434)   | (248.036.113)     |
| 20  | Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh          |             | (105.077.277.170) | 115.906.818.443   |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>    |  |             |                   |                   |
| 21  | Tiền chi để mua sắm tài sản cố định                                  |             | (26.458.528.909)  | (14.668.791.171)  |
| 22  | Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định                     |             | 43.000.000        | 9.927.645.457     |
| 23  | Tiền chi cho vay, mua trái phiếu và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn     |             | (395.000.000.000) | (544.370.000.000) |
| 24  | Tiền thu hồi từ cho vay, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu  |             | 463.000.000.000   | 425.000.000.000   |
| 27  | Tiền thu từ lãi cho vay và cổ tức được chia                          |             | 34.097.570.040    | 24.698.117.619    |
| 30  | Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư              |             | 75.682.041.131    | (99.413.028.095)  |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03-DN

VND

| Mã số  | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm nay             | Năm trước           |
|--|--|-------------|---------------------|---------------------|
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |  |             |                     |                     |
| 33   | Tiền vay nhận được   | 17          | 3.510.420.751.533   | 2.560.105.214.112   |
| 34   | Tiền chi trả nợ gốc vay                                    | 17          | (2.970.904.937.135) | (2.652.499.511.516) |
| 36   | Cổ tức đã trả  | 18.2        | (320.223.756.350)   | (80.902.351.080)    |
| 40   | Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính |             | 219.292.058.048     | (173.296.648.484)   |
| 50   | Lưu chuyển tiền thuần trong năm                            |             | 189.896.822.009     | (156.802.858.136)   |
| 60   | Tiền và tương đương tiền đầu năm                           | 4           | 53.963.419.150      | 210.766.277.286     |
| 70   | Tiền và tương đương tiền cuối năm                          | 4           | 243.860.241.159     | 53.963.419.150      |

Hoàng Thị Ngọc  
Người lập

Nguyễn Phương Thảo  
Kế toán trưởng

Bùi Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2021

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dầu Thực Vật Tường An ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy dầu Tường An thuộc Công ty Dầu Thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam) theo Quyết định số 42/2004/QĐ-BCN ngày 4 tháng 6 năm 2004 của Bộ Công nghiệp (hiện nay là Bộ Công Thương). Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002698 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 9 năm 2004, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các hạt có dầu, thạch dừa; sản xuất, kinh doanh các loại bao bì đóng gói; xuất khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất chế biến ngành dầu thực vật.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.401 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 1.407 người).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- » Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

|   |   |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa                         | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được phân bổ.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

|                          |            |
|--------------------------|------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 27 năm |
| Máy móc và thiết bị      | 5 - 19 năm |
| Phương tiện vận tải      | 6 - 10 năm |
| Thiết bị văn phòng       | 3 - 5 năm  |
| Phần mềm máy tính        | 3 năm      |

**3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí xây dựng nhà máy, chi phí lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản liên quan được hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****3.9 Chi phí trả trước (tiếp theo)**

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- » Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất trong thời hạn 43 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư 45; và
- » Chi phí nhận chuyển nhượng hợp đồng phân phối sản phẩm là chi phí mua lại quyền phân phối sản phẩm với các nhà phân phối và được phân bổ trong thời hạn 3 năm.

**3.10 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh sẽ được hạch toán vào chi phí trong năm và được giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- » Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- » Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- » Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- » Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****3.14 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.15 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

***Quỹ đầu tư và phát triển***

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

***Quỹ khen thưởng và phúc lợi***

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

***Cổ tức***

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

***Tiền lãi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

***Cổ tức***

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.18 Thuế*****Thuế thu nhập hiện hành***

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

B09-DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

##### Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động thực vật. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty bán ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

#### 3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

|                            | Số cuối năm            | Số đầu năm            |
|----------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                   | 375.878.955            | 408.651.792           |
| Tiền gửi ngân hàng         | 213.484.362.204        | 53.554.767.358        |
| Các khoản tương đương tiền | 30.000.000.000         | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b>243.860.241.159</b> | <b>53.963.419.150</b> |

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất 3,2% một năm.

### 5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

|  | Số cuối năm |                        | Số đầu năm |                        |
|--|-------------|------------------------|------------|------------------------|
|  | Số lượng    | Giá trị VND            | Số lượng   | Giá trị VND            |
| <b>Ngắn hạn</b>  |             | <b>350.000.000.000</b> |            | <b>288.000.000.000</b> |
| Tiền gửi có kỳ hạn (*)   |             | 200.000.000.000        |            | 138.000.000.000        |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín  |             | 140.000.000.000        |            | 40.000.000.000         |
| Ngân hàng TMCP Á Châu  |             | 60.000.000.000         |            | -                      |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam   |             | -                      |            | 95.000.000.000         |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam  |             | -                      |            | 3.000.000.000          |
| Trái phiếu không chuyển đổi phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (**)         | 150.000     | 150.000.000.000        | 150.000    | 150.000.000.000        |
| <b>Dài hạn</b>   |             | <b>6.370.000.000</b>   |            | <b>16.370.000.000</b>  |
| Trái phiếu không chuyển đổi phát hành bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (***) | 637         | 6.370.000.000          | 647        | 16.370.000.000         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   |             | <b>356.370.000.000</b> |            | <b>304.370.000.000</b> |

(\*) Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn gốc là sáu (6) tháng và hưởng lãi suất từ 4,8% đến 5,5% một năm.

(\*\*) Các trái phiếu có kỳ hạn gốc mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 9,5% một năm.

(\*\*\*) Các trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất 7,3% một năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

B09-DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

VND

|   | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------------------|------------------------|
| <b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>                             | <b>279.862.946.365</b> | <b>233.117.971.106</b> |
| <i>Trong đó:</i>  |                        |                        |
| <i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>                        | <i>41.416.222.815</i>  | <i>30.224.562.980</i>  |
| <i>Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam</i>                       | <i>61.730.279.820</i>  | <i>16.216.027.740</i>  |
| <i>Khác</i>   | <i>176.716.443.730</i> | <i>186.677.380.386</i> |
| <b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>                             | <b>6.953.275.970</b>   | <b>984.402.059</b>     |
| <i>Trong đó:</i>  |                        |                        |
| <i>Công ty TNHH TM-XD-SX Hoàng Hà</i>                               | <i>3.400.000.000</i>   | -                      |
| <i>Công ty CP Sản sứ Thủy Tinh Việt Nam</i>                         | <i>999.450.000</i>     | -                      |
| <i>Công ty TNHH Dịch Vụ Kỹ Thuật Công Nghiệp</i>                    | <i>749.100.000</i>     | -                      |
| <i>Công ty TNHH SX-TM-DV Bấy Hồng Hạnh</i>                          | -                      | <i>769.302.059</i>     |
| <i>Khác</i>   | <i>1.804.725.970</i>   | <i>215.100.000</i>     |
| <b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>                                 | <b>30.000.000.000</b>  | <b>150.000.000.000</b> |
| <i>Trong đó:</i>  |                        |                        |
| <i>Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>                    | -                      | <i>100.000.000.000</i> |
| <i>Cho vay bên thứ ba</i>   | <i>30.000.000.000</i>  | <i>50.000.000.000</i>  |
| <b>Phải thu khác</b>  | <b>337.892.552.151</b> | <b>290.095.516.255</b> |
| <i>Trong đó:</i>  |                        |                        |
| <i>Phải thu ngắn hạn khác</i>                                       | <i>336.218.138.151</i> | <i>288.292.582.255</i> |
| <i>Trong đó:</i>  |                        |                        |
| <i>Đặt cọc mua nguyên liệu và dịch vụ</i>                           | <i>330.141.520.000</i> | <i>23.540.000</i>      |
| <i>Cho mượn nguyên vật liệu</i>                                     | <i>3.044.077.060</i>   | -                      |
| <i>Lãi tiền gửi và trái phiếu</i>                                   | <i>2.917.541.091</i>   | <i>2.474.136.589</i>   |
| <i>Vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD")</i>          | -                      | <i>275.000.000.000</i> |
| <i>Cho cán bộ công nhân viên mượn tiền mua cổ phiếu của Công ty</i> | -                      | <i>8.112.072.000</i>   |
| <i>Khác</i>   | <i>115.000.000</i>     | <i>2.682.833.666</i>   |
| <i>Phải thu dài hạn khác</i>  | <i>1.674.414.000</i>   | <i>1.802.934.000</i>   |
| <i>Trong đó:</i>  |                        |                        |
| <i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>                        | <i>334.718.491.060</i> | <i>277.543.406.386</i> |
| <i>Các bên khác</i>   | <i>3.174.061.091</i>   | <i>12.552.109.869</i>  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>654.708.774.486</b> | <b>674.197.889.420</b> |

### 7. HÀNG TỒN KHO

VND

|                                      | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Nguyên vật liệu                      | 418.133.159.065        | 288.089.232.968        |
| Thành phẩm                           | 266.258.482.713        | 125.706.099.519        |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 132.213.371.024        | 74.581.191.549         |
| Hàng đang đi trên đường              | 79.329.116.309         | 50.187.953.603         |
| Hàng hóa                             | 3.644.103.929          | 20.379.364.773         |
| Công cụ, dụng cụ                     | 1.507.212.698          | 1.372.801.435          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                     | <b>901.085.445.738</b> | <b>560.316.643.847</b> |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho       | -                      | (525.848.484)          |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                 | <b>901.085.445.738</b> | <b>559.790.795.363</b> |

#### Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho

VND

|                                    | Năm nay       | Năm trước       |
|------------------------------------|---------------|-----------------|
| Số đầu năm                         | 525.848.484   | 757.364.810     |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong năm | -             | 1.449.677.713   |
| Trừ: Hoàn nhập trong năm           | (525.848.484) | (1.681.194.039) |
| Số cuối năm                        | -             | 525.848.484     |

### 8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

|  | Số cuối năm          | Số đầu năm            |
|--|----------------------|-----------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>  | <b>3.169.164.900</b> | <b>1.741.139.317</b>  |
| Công cụ, dụng cụ                                       | 2.427.301.766        | 1.214.458.387         |
| Khác   | 741.863.134          | 526.680.930           |
| <b>Dài hạn</b>   | <b>5.140.421.157</b> | <b>15.666.080.542</b> |
| Tiền thuê đất trả trước                                | 3.940.203.923        | 4.905.151.811         |
| Chi phí nhận chuyển nhượng hợp đồng phân phối sản phẩm | 673.692.808          | 9.733.431.367         |
| Công cụ, dụng cụ                                       | 403.486.931          | 453.344.889           |
| Khác   | 123.037.495          | 574.152.475           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                       | <b>8.309.586.057</b> | <b>17.407.219.859</b> |

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

VND

|                                   | Nhà cửa<br>vật kiến trúc | Máy móc<br>và thiết bị | Phương tiện<br>vận tải | Thiết bị<br>văn phòng | Tổng cộng              |
|-----------------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                 |                          |                        |                        |                       |                        |
| Số đầu năm                        | 182.413.813.558          | 321.225.331.774        | 8.155.998.723          | 5.099.271.601         | 516.894.415.656        |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 3.068.580.250            | 13.747.624.249         | -                      | 340.000.000           | 17.156.204.499         |
| Mua mới trong năm                 | 108.000.000              | 1.043.000.000          | 50.000.000             | 30.847.000            | 1.231.847.000          |
| Thanh lý, nhượng bán              | (113.347.453)            | (44.874.500)           | (273.360.000)          | -                     | (431.581.953)          |
| Số cuối năm                       | 185.477.046.355          | 335.971.081.523        | 7.932.638.723          | 5.470.118.601         | 534.850.885.202        |
| <i>Trong đó:</i>                  |                          |                        |                        |                       |                        |
| <i>Đã khấu hao hết</i>            | <i>85.838.824.470</i>    | <i>224.592.291.602</i> | <i>6.528.110.737</i>   | <i>1.151.385.511</i>  | <i>318.110.612.320</i> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>     |                          |                        |                        |                       |                        |
| Số đầu năm                        | 146.166.574.280          | 289.137.849.439        | 7.295.148.207          | 2.642.081.225         | 445.241.653.151        |
| Khấu hao trong năm                | 9.294.605.152            | 10.269.250.635         | 330.330.997            | 910.284.261           | 20.804.471.045         |
| Thanh lý, nhượng bán              | (113.347.453)            | (44.874.500)           | (273.360.000)          | -                     | (431.581.953)          |
| Số cuối năm                       | 155.347.831.979          | 299.362.225.574        | 7.352.119.204          | 3.552.365.486         | 465.614.542.243        |
| <b>Giá trị còn lại</b>            |                          |                        |                        |                       |                        |
| Số đầu năm                        | 36.247.239.278           | 32.087.482.335         | 860.850.516            | 2.457.190.376         | 71.652.762.505         |
| Số cuối năm                       | 30.129.214.376           | 36.608.855.949         | 580.519.519            | 1.917.753.115         | 69.236.342.959         |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

|                                   | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Tổng cộng      |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|----------------|
| <b>Nguyên giá</b>                 |                   |                   |                |
| Số đầu năm                        | 10.431.924.331    | 3.263.107.680     | 13.695.032.011 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | -                 | 4.210.026.700     | 4.210.026.700  |
| Mua mới trong năm                 | -                 | 457.000.000       | 457.000.000    |
| Số cuối năm                       | 10.431.924.331    | 7.930.134.380     | 18.362.058.711 |
| <i>Trong đó:</i>                  |                   |                   |                |
| Đã hao mòn hết                    | 3.409.939.531     | 3.063.535.000     | 6.473.474.531  |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>     |                   |                   |                |
| Số đầu năm                        | 3.409.939.531     | 2.221.616.549     | 5.631.556.080  |
| Hao mòn trong năm                 | -                 | 1.277.199.335     | 1.277.199.335  |
| Số cuối năm                       | 3.409.939.531     | 3.498.815.884     | 6.908.755.415  |
| <b>Giá trị còn lại</b>            |                   |                   |                |
| Số đầu năm                        | 7.021.984.800     | 1.041.491.131     | 8.063.475.931  |
| Số cuối năm                       | 7.021.984.800     | 4.431.318.496     | 11.453.303.296 |

### 11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

|                          | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí lắp đặt máy móc  | 1.747.100.440        | 1.788.500.000        |
| Chi phí nâng cấp máy móc | 379.636.533          | 3.410.371.400        |
| Khác                     | 649.908.617          | 146.488.000          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>         | <b>2.776.645.590</b> | <b>5.345.359.400</b> |

### 12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

|  | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 26) | 381.996.320.604        | 172.403.323.476        |
| Phải trả các bên khác                          | 186.491.219.583        | 206.656.483.560        |
| <i>Trong đó:</i>                               |                        |                        |
| Wilmar Trading Pte. Ltd.                       | 44.572.489.076         | 41.615.744.069         |
| Công ty TNHH Bao bì nhựa Việt Long             | 14.207.271.123         | 7.460.074.995          |
| Khác   | 127.711.459.384        | 157.580.664.496        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                               | <b>568.487.540.187</b> | <b>379.059.807.036</b> |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

|  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công đoàn cơ sở Công ty TNHH Pou Yuen Việt Nam | 2.667.600.000         | 3.500.006.138         |
| Naeng POV Import Export Company Limited        | -                     | 4.262.617.220         |
| Khác   | 63.831.694.902        | 10.649.659.459        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                               | <b>66.499.294.902</b> | <b>18.412.282.817</b> |

### 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

|                            | Số đầu năm            | Số phải nộp trong năm  | Số đã nộp trong năm      | Số cuối năm           |
|----------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 15.073.411.593        | 36.828.563.685         | (43.362.851.436)         | 8.539.123.842         |
| Thuế giá trị gia tăng      | 13.200.377.730        | 90.921.978.572         | (104.127.380.547)        | (5.024.245)           |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 1.577.096.037         | 10.457.561.733         | (10.281.092.858)         | 1.753.564.912         |
| Thuế khác                  | -                     | 9.048.623.675          | (9.098.866.117)          | (50.242.442)          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b>29.850.885.360</b> | <b>147.256.727.665</b> | <b>(166.870.190.958)</b> | <b>10.237.422.067</b> |
| <i>Trong đó:</i>           |                       |                        |                          |                       |
| Thuế phải nộp              | 29.927.782.477        |                        |                          | 10.403.200.470        |
| Thuế nộp thừa              | (76.897.117)          |                        |                          | (165.778.403)         |

### 15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

|                                  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí chiết khấu và khuyến mãi | 52.182.888.875        | 77.503.680.853        |
| Chi phí bán hàng                 | 10.886.502.769        | 11.806.132.159        |
| Khác                             | 929.951.947           | 3.785.947.157         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                 | <b>63.999.343.591</b> | <b>93.095.760.169</b> |

### 16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

|  | Số đầu năm            | Số cuối năm        |
|--|-----------------------|--------------------|
| Cổ tức phải trả                                | 67.893.248.800        | 87.141.000         |
| Khác   | 119.375.977           | 116.091.284        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                               | <b>68.012.624.777</b> | <b>203.232.284</b> |
| <i>Trong đó:</i>                               |                       |                    |
| Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 26) | 59.931.704.000        | -                  |
| Phải trả các bên khác                          | 8.080.920.777         | 203.232.284        |



**17. VAY NGẮN HẠN**

VND

|   | Số đầu năm             | Vay                      | Trả nợ vay                 | Số cuối năm            |
|---|------------------------|--------------------------|----------------------------|------------------------|
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("Vietinbank")    | 17.924.393.135         | 1.342.123.724.552        | (971.636.236.894)          | 388.411.880.793        |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") | 194.741.896.602        | 1.202.755.393.802        | (1.104.093.819.396)        | 293.403.471.008        |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội ("MBBank")                    | 51.370.208.380         | 126.955.828.824          | (51.926.037.204)           | 126.400.000.000        |
| Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam ("Shinhanbank")       | -                      | 507.942.219.990          | (404.408.292.350)          | 103.533.927.640        |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")  | 194.803.877.536        | 330.643.584.365          | (438.840.551.291)          | 86.606.910.610         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                      | <b>458.840.375.653</b> | <b>3.510.420.751.533</b> | <b>(2.970.904.937.135)</b> | <b>998.356.190.051</b> |

Công ty có các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Số cuối năm được trình bày như sau:

| Ngân hàng        | Số cuối năm VND        | Ngày đáo hạn   | Lãi suất %/năm |
|------------------|------------------------|--|----------------|
| Vietinbank       | 388.411.880.793        | Từ ngày 9 tháng 3 năm 2021 đến ngày 15 tháng 4 năm 2021  | 3,9% - 4,1%    |
| BIDV             | 293.403.471.008        | Từ ngày 26 tháng 2 năm 2021 đến ngày 21 tháng 3 năm 2021 | 3,8% - 4,3%    |
| MBBank           | 126.400.000.000        | Ngày 9 tháng 4 năm 2021                                  | 4,3%           |
| Shinhan Bank     | 103.533.927.640        | Ngày 9 tháng 3 năm 2021                                  | 3,8%           |
| Vietcombank      | 86.606.910.610         | Ngày 28 tháng 2 năm 2021 và ngày 21 tháng 5 năm 2021     | 4,5%           |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>998.356.190.051</b> |  |                |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

B09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

VND

|   | Vốn cổ phần     | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng         |
|---|-----------------|----------------------|--------------|-----------------------|-----------------------------------|-------------------|
| <b>Năm trước</b>                              |                 |                      |              |                       |                                   |                   |
| Số đầu năm                                    | 338.796.480.000 | 27.306.317.000       | (94.500.000) | 26.948.690.436        | 233.818.999.683                   | 626.775.987.119   |
| Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm            | -               | -                    | -            | -                     | 136.225.814.006                   | 136.225.814.006   |
| Trích lập các quỹ                             | -               | -                    | -            | -                     | (5.442.300.165)                   | (5.442.300.165)   |
| Cổ tức đã công bố                             | -               | -                    | -            | -                     | (81.302.755.200)                  | (81.302.755.200)  |
| Số cuối năm                                   | 338.796.480.000 | 27.306.317.000       | (94.500.000) | 26.948.690.436        | 283.299.758.324                   | 676.256.745.760   |
| <b>Năm nay</b>                                |                 |                      |              |                       |                                   |                   |
| Số đầu năm                                    | 338.796.480.000 | 27.306.317.000       | (94.500.000) | 26.948.690.436        | 283.299.758.324                   | 676.256.745.760   |
| Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm            | -               | -                    | -            | -                     | 176.550.782.607                   | 176.550.782.607   |
| Kết chuyển nguồn vốn thặng dư                 | -               | (27.306.317.000)     | -            | -                     | 27.306.317.000                    | -                 |
| Chia cổ tức đặc biệt (*)                      | -               | -                    | -            | (26.948.690.436)      | (227.122.419.564)                 | (254.071.110.000) |
| Cổ tức đã công bố                             | -               | -                    | -            | -                     | (135.504.592.000)                 | (135.504.592.000) |
| Trích lập các quỹ                             | -               | -                    | -            | -                     | (13.622.581.401)                  | (13.622.581.401)  |
| Thường Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc | -               | -                    | -            | -                     | (1.362.258.140)                   | (1.362.258.140)   |
| Số cuối năm                                   | 338.796.480.000 | -                    | (94.500.000) | -                     | 109.545.006.826                   | 448.246.986.826   |

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2020 ngày 12 tháng 6 năm 2020, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức đặc biệt bằng tiền mặt tại mức 75% trên mệnh giá bằng nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối các năm trước, thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển. Vào ngày 21 tháng 8 năm 2020, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt phương án chi trả cổ tức này. Vào ngày 26 tháng 8 năm 2020, Công ty đã nhận được Quyết định số 1465/TB-SGDHCM cấp bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận phương án chi trả cổ tức này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

#### 18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

VND

|   | Năm nay                | Năm trước             |
|---|------------------------|-----------------------|
| <b>Vốn cổ phần</b>                                      |                        |                       |
| Số đầu năm và cuối năm                                  | 338.796.480.000        | 338.796.480.000       |
| <b>Cổ tức</b>   |                        |                       |
| <b>Cổ tức công bố trong năm</b>                         | <b>389.575.702.000</b> | <b>81.302.755.200</b> |
| Cổ tức trả bằng tiền trong năm 2020: 2.000 VND/cổ phiếu | 67.752.296.000         | -                     |
| Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2019: 2.000 VND/cổ phiếu   | 67.752.296.000         | -                     |
| Cổ tức đặc biệt trả bằng tiền: 7.500 VND/cổ phiếu       | 254.071.110.000        | -                     |
| Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2018: 2.400 VND/cổ phiếu   | -                      | 81.302.755.200        |
| <b>Cổ tức đã trả trong năm</b>                          | <b>320.223.756.350</b> | <b>80.902.351.080</b> |

#### 18.3 Cổ phiếu

Số cổ phiếu

|  | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành                 | 33.879.648  | 33.879.648 |
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ | 33.879.648  | 33.879.648 |
| Mua lại cổ phiếu quỹ                                   | (3.500)     | (3.500)    |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành              | 33.876.148  | 33.876.148 |

#### 18.4 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

|  | Năm nay                | Năm trước<br>(Trình bày lại) |
|--|------------------------|------------------------------|
| Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)  | 176.550.782.607        | 136.225.814.006              |
| Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)  | -                      | (13.622.581.401)             |
| <b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu<br/>cổ phiếu phổ thông (VND)</b> | <b>176.550.782.607</b> | <b>122.603.232.605</b>       |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)                       | 33.876.148             | 33.876.148                   |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)   | 5.212                  | 3.619                        |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)   | 5.212                  | 3.619                        |

Không có sự suy giảm tiềm tàng của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và vào ngày của báo cáo tài chính.

(\*) Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 12 tháng 6 năm 2020.

Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2020 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 19. DOANH THU

#### 19.1 Doanh thu bán hàng

VND

|                                     | Năm nay                  | Năm trước                |
|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Tổng doanh thu bán hàng hóa</b>  | <b>5.338.645.996.898</b> | <b>4.210.240.551.226</b> |
| Doanh thu bán thành phẩm            | 5.172.980.954.326        | 4.094.669.660.277        |
| Doanh thu bán hàng hóa, khác        | 153.530.453.532          | 94.945.890.945           |
| Doanh thu khác                      | 12.134.589.040           | 20.625.000.004           |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b> | <b>(91.888.576.172)</b>  | <b>(68.057.435.652)</b>  |
| Hàng bán bị trả lại                 | (32.314.260.595)         | (37.470.129.279)         |
| Chiết khấu thương mại               | (59.574.315.577)         | (30.587.306.373)         |
| <b>DOANH THU THUẦN</b>              | <b>5.246.757.420.726</b> | <b>4.142.183.115.574</b> |
| Trong đó:                           |                          |                          |
| Các bên liên quan                   | 316.606.084.771          | 109.118.454.371          |
| Các bên khác                        | 4.930.151.335.955        | 4.033.064.661.203        |

#### 19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

|                         | Năm nay               | Năm trước             |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi và cho vay | 18.967.514.023        | 14.696.577.552        |
| Lãi đầu tư trái phiếu   | 15.573.460.519        | 11.529.443.780        |
| Chiết khấu thanh toán   | 4.913.698.630         | -                     |
| Lãi chênh lệch tỷ giá   | 1.801.408.360         | 999.017.368           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>        | <b>41.256.081.532</b> | <b>27.225.038.700</b> |

### 20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

VND

|  | Năm nay                  | Năm trước                |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn của thành phẩm đã bán            | 4.344.437.228.553        | 3.398.844.855.353        |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán              | 140.626.324.834          | 82.010.037.023           |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (525.848.484)            | (231.516.326)            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                         | <b>4.484.537.704.903</b> | <b>3.480.623.376.050</b> |

### 21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

|                      | Năm nay               | Năm trước             |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền vay         | 29.639.271.520        | 27.956.585.116        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 36.340.031            | 174.845.699           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>     | <b>29.675.611.551</b> | <b>28.131.430.815</b> |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

|  | Năm nay                | Năm trước              |
|--|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân viên                        | 207.460.889.770        | 224.151.153.899        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                | 127.629.209.066        | 114.658.108.506        |
| Chi phí hoa hồng và hỗ trợ nhà phân phối | 56.790.675.319         | 51.521.605.602         |
| Chi phí quảng cáo và khuyến mãi          | 32.014.703.390         | 15.764.149.822         |
| Chi phí nguyên vật liệu và dụng cụ       | 11.692.679.616         | 12.270.566.287         |
| Khác                                     | 5.958.970.610          | 5.737.870.675          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                         | <b>441.547.127.771</b> | <b>424.103.454.791</b> |

### 23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

|                             | Năm nay                | Năm trước             |
|-----------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí dịch vụ mua ngoài   | 89.449.738.747         | 36.804.144.846        |
| Chi phí nhân viên           | 15.079.108.868         | 18.837.383.807        |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 1.155.074.271          | 1.496.470.721         |
| Khác                        | 7.116.547.204          | 15.934.219.375        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>            | <b>112.800.469.090</b> | <b>73.072.218.749</b> |

### 23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

|  | Năm nay                  | Năm trước                |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu                              | 4.473.116.488.499        | 3.322.436.208.757        |
| Chi phí nhân công                                    | 297.181.781.631          | 316.212.588.082          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                            | 253.624.928.357          | 178.376.993.404          |
| Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10) | 22.081.670.380           | 29.273.827.625           |
| Khác   | 114.127.308.808          | 102.295.503.307          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                     | <b>5.160.132.177.675</b> | <b>3.948.595.121.175</b> |

### 24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

#### 25.1 Chi phí thuế TNDN

VND

|                                       | Năm nay               | Năm trước             |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành           | 36.828.563.685        | 34.694.206.936        |
| Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại | 7.657.109.237         | (385.496.732)         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                      | <b>44.485.672.922</b> | <b>34.308.710.204</b> |

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

|  | Năm nay               | Năm trước             |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                            | 221.036.455.529       | 170.534.524.210       |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty (2019: 20%) | 44.207.291.106        | 34.106.904.842        |
| <i>Các khoản điều chỉnh:</i>                                 |                       |                       |
| Chi phí không được trừ                                       | 218.063.646           | 201.805.362           |
| <b>Chi phí thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty</b>  | <b>44.425.354.752</b> | <b>34.308.710.204</b> |
| Thuế TNDN bổ sung các năm trước                              | 60.318.170            | -                     |
| <b>Chi phí thuế TNDN</b>                                     | <b>44.485.672.922</b> | <b>34.308.710.204</b> |

#### 25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### 25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

|  | Bảng cân đối kế toán |                       | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh |                    |
|--|----------------------|-----------------------|--------------------------------------|--------------------|
|  | Số cuối năm          | Số đầu năm            | Năm nay                              | Năm trước          |
| Các khoản chi phí phải trả                         | 798.186.616          | 4.472.091.117         | (3.673.904.501)                      | (2.929.100.470)    |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc và trợ cấp mất việc làm | 2.654.400.551        | 6.637.605.287         | (3.983.204.736)                      | 3.466.112.737      |
| Chi phí khấu hao                                   | -                    | -                     | -                                    | (151.515.535)      |
| <b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>              | <b>3.452.587.167</b> | <b>11.109.696.404</b> |                                      |                    |
| <b>(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>       |                      |                       | <b>(7.657.109.237)</b>               | <b>385.496.732</b> |

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

|  |                             |   |                   |                   | VND |
|--|-----------------------------|---|-------------------|-------------------|-----|
| Bên liên quan  | Mối quan hệ                 | Nội dung nghiệp vụ                          | Năm nay           | Năm trước         |     |
| Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (“VOC”) | Công ty trong cùng Tập đoàn | Mua nguyên vật liệu                         | 1.045.420.844.606 | 1.405.639.641.502 |     |
|  |                             | Cổ tức                                      | 103.416.406.500   | 21.582.554.400    |     |
|  |                             | Bán thành phẩm                              | 17.667.093.596    | 4.739.040         |     |
|  |                             | Cho mượn nguyên vật liệu                    | 3.044.077.060     | -                 |     |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido (“KDC”)                                    | Công ty mẹ                  | Mua nguyên vật liệu và hàng hóa             | 2.534.475.713.554 | 682.987.966.401   |     |
|  |                             | Đặt cọc mua nguyên liệu                     | 330.000.000.000   | -                 |     |
|  |                             | Cổ tức                                      | 241.190.891.500   | 50.335.490.400    |     |
|  |                             | Mua dịch vụ và sửa chữa                     | 86.522.682.751    | 31.635.578.316    |     |
|  |                             | Lợi nhuận được chia từ HĐHTKD               | 12.134.589.040    | 20.625.000.004    |     |
|  |                             | Bán thành phẩm                              | 11.632.144.454    | 17.329.644.692    |     |
|  |                             | Phí thuê văn phòng                          | 5.771.200.867     | 3.927.365.568     |     |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (“Rồng Việt”)                      | Công ty trong cùng Tập đoàn | Chiết khấu thanh toán                       | 4.913.698.630     | -                 |     |
|  |                             | Mua trái phiếu                              | -                 | 220.000.000.000   |     |
|  |                             | Bán trái phiếu                              | -                 | 70.000.000.000    |     |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO (“KDF”)                         | Công ty trong cùng Tập đoàn | Lãi trái phiếu                              | 14.289.041.095    | 11.347.945.205    |     |
|  |                             | Bán hàng hóa                                | 17.414.892.271    | 21.722.529.676    |     |
| Công ty TNHH Kido – Nhà Bè (“KDNB”)                                      | Công ty trong cùng Tập đoàn | Bán thành phẩm                              | 269.481.417.450   | 69.885.966.236    |     |
|  |                             | Thu hồi khoản cho vay                       | 100.000.000.000   | -                 |     |
|  |                             | Mua hàng hóa                                | 3.630.665.827     | 2.284.411.671     |     |
|  |                             | Lãi nhận được từ cho vay và chậm thanh toán | 2.640.874.390     | 832.227.754       |     |
|  |                             | Cho vay                                     | -                 | 100.000.000.000   |     |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

B09-DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

| Bên liên quan  | Mối quan hệ                 | Nội dung nghiệp vụ             | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--|-----------------------------|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</b> |                             |                                |                        |                        |
| KDNB   | Công ty trong cùng Tập đoàn | Bán hàng hóa                   | 40.362.762.055         | 24.325.078.976         |
| KDF  | Công ty trong cùng Tập đoàn | Bán hàng hóa                   | 977.351.760            | 1.189.903.876          |
| Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco              | Công ty trong cùng Tập đoàn | Bán hàng hóa                   | 76.109.000             | -                      |
| KDC  | Công ty mẹ                  | Bán hàng hóa                   | -                      | 4.708.159.280          |
| VOC  | Công ty trong cùng Tập đoàn | Bán hàng hóa                   | -                      | 1.420.848              |
|  |                             |                                | <b>41.416.222.815</b>  | <b>30.224.562.980</b>  |
| <b>Phải thu cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</b>    |                             |                                |                        |                        |
| KBND   | Công ty trong cùng Tập đoàn | Cho vay                        | -                      | 100.000.000.000        |
| <b>Phải thu khác (Thuyết minh số 6)</b>                |                             |                                |                        |                        |
| KDC  | Công ty mẹ                  | Đặt cọc mua nguyên liệu        | 330.000.000.000        | -                      |
|  |                             | Đặt cọc thuê văn phòng         | 1.674.414.000          | 1.674.414.000          |
|  |                             | Phải thu từ HĐHTKD             | -                      | 275.000.000.000        |
| Rồng Việt (*)  | Bên liên quan               | Lãi trái phiếu                 | -                      | 861.506.849            |
| VOC  | Công ty trong cùng Tập đoàn | Cho mượn nguyên vật liệu       | 3.044.077.060          | -                      |
| KDF  | Công ty trong cùng Tập đoàn | Thanh toán hộ                  | -                      | 7.485.537              |
|  |                             |                                | <b>334.718.491.060</b> | <b>277.543.406.386</b> |
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 12)</b> |                             |                                |                        |                        |
| KDC  | Công ty mẹ                  | Mua nguyên vật liệu và dịch vụ | 365.366.227.931        | 79.478.812.346         |
| VOC  | Công ty trong cùng Tập đoàn | Mua nguyên vật liệu            | 16.620.135.840         | 91.839.746.185         |
| KDNB   | Công ty trong cùng Tập đoàn | Mua hàng hóa                   | 9.956.833              | 1.084.764.945          |
|  |                             |                                | <b>381.996.320.604</b> | <b>172.403.323.476</b> |

### 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

| Bên liên quan                                     | Mối quan hệ                 | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm           | Số đầu năm      |
|---|-----------------------------|--------------------|-----------------------|-----------------|
| <b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)</b> |                             |                    |                       |                 |
| KDC   | Công ty mẹ                  | Cổ tức phải trả    | 41.946.242.000        | -               |
| VOC   | Công ty trong cùng Tập đoàn | Cổ tức phải trả    | 17.985.462.000        | -               |
|   |                             |                    | <b>59.931.704.000</b> | <b>-</b>        |
| <b>Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh số 5)</b>         |                             |                    |                       |                 |
| Rồng Việt (*)                                     | Bên liên quan               | Trái phiếu         | -                     | 150.000.000.000 |

(\*) Số dư khoản phải thu lãi trái phiếu và khoản trái phiếu từ Rồng Việt vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 lần lượt là 861.506.849 VND và 150.000.000.000 VND. Tuy nhiên, vào ngày này, Rồng Việt không còn là bên liên quan của Công ty.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

VND

|   | Năm nay              | Năm trước            |
|---|----------------------|----------------------|
| Thu nhập của Thành viên Hội đồng Quản trị | 1.023.000.000        | 264.000.000          |
| Thu nhập của Thành viên Ban Tổng Giám đốc | 4.066.731.572        | 3.931.484.827        |
| Thù lao của Thành viên Ban Kiểm soát      | 95.000.000           | 96.000.000           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                          | <b>5.184.731.572</b> | <b>4.291.484.827</b> |

### 27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

|                  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|------------------|-----------------------|-----------------------|
| Dưới 1 năm       | 10.131.186.485        | 5.575.122.000         |
| Từ 1 đến 5 năm   | 12.582.148.646        | 12.082.518.000        |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>22.713.335.131</b> | <b>17.657.640.000</b> |

### 28. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

|                           | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------|-------------|------------|
| Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD) | 1.443,59    | 1.607,00   |
| Ngoại tệ - Euro (EUR)     | 88,56       | -          |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 29. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường 2021 ngày 26 tháng 2 năm 2021, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành 16.938.074 cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu với mệnh giá 10.000 VND trên một cổ phiếu và phát hành 1.693.807 cổ phiếu mới theo Chương trình lựa chọn sở hữu cổ phiếu của Công ty áp dụng cho cán bộ công nhân viên với giá phát hành là 15.000 VND/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến từ Quý 2 đến Quý 3 năm 2021.

Không có sự kiện nào khác phát sinh kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

The image shows three handwritten signatures in blue ink. The first signature is on the left, the second in the middle, and the third on the right. A red circular stamp is positioned over the second signature. The stamp contains the text: "M.S.D.N: 0303498754-G.T.C.P.", "CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN", and "QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH".

Hoàng Thị Ngọc  
Người lập

Nguyễn Phương Thảo  
Kế toán trưởng

Bùi Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Lầu 10, Tòa nhà Empress, 138-142 Hai Bà Trưng,  
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam

[T] (+84-28) 38 277 489

[F] (+84-28) 38 277 832

[E] info@kdc.vn

[www.tuongan.com.vn](http://www.tuongan.com.vn)